

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc

- VB 1: *Cầu hiền chiếu* (Ngô Thì Nhậm)

- VB 2: *Tôi có một ước mơ* (Trích *Bước đến tự do*, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery, Mác-tin Lu-thơ Kinh)

- VB 3: *Một thời đại trong thi ca* (Trích *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh)

Thực hành đọc: *Tiếp xúc với tác phẩm* (Thái Bá Vân)

2. Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (Tiếp theo)

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)

4. Nói và nghe: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 9 tiết – KHGD + 1 tiết trả bài

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i>. - HS biết đọc hiểu văn bản nghị luận: + Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. + Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản. + Xác định được nội dung và ý nghĩa của văn bản. Nhận biết được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết. + Nhận biết và đánh giá được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết. + Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận. + Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn. + Thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do. - HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả. - HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, văn bản nghị luận về một

	vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh) - HS biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.
II. PHẨM CHẤT Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết: 25,26	VĂN BẢN 1: CẦU HIỀN CHIẾU (Chiếu cầu hiền) - Ngô Thì Nhậm -
--------------------	--

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Biết được đặc điểm của *chiếu* như là một thể loại văn bản nghị luận đặc thù của thời trung đại. Cũng như *hịch* và *cáo*, *chiếu* thuộc loại văn bản chức năng, được viết (hay ủy nhiệm viết) và ban bố bởi những người đứng đầu nhà nước (vua), nhằm mục đích điều hành xã hội.
- Hiểu được chiếu cũng được tạo nên bởi các thành tố như bất cứ một văn bản nghị luận nào khác. Qua việc đọc, HS cần nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố bổ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
- Hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm qua *Cầu hiền chiếu* - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.

2. Phẩm chất

Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip https://www.youtube.com/watch?v=rI8aIwyVRsU&t=29s - HS trả lời nhanh câu hỏi: Anh (chị) biết gì về Quang Trung - Nguyễn Huệ? (Gợi ý: Đời tư Nguyễn Huệ, cuộc tiến quân thần tốc, một số chính sách ưu việt mà Quang Trung - Nguyễn Huệ ban hành - chẳng hạn chính sách trọng hiền tài,...?) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS bàn bạc, trao đổi theo nhóm tổ thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện HS trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài: <i>Có không ít câu chuyện thú vị về nhà vua Quang Trung, trong số đó, câu chuyện chiêu mộ hiền tài và việc trọng dụng hiền tài khiến chúng ta thêm một lần suy ngẫm về ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với cộng đồng, đất nước. “Cầu hiền chiếu” - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho Ngô Thì Nhậm viết là một minh chứng.</i>	HS tự do thể hiện những hiểu biết về Quang Trung Nguyễn Huệ, khuyến khích những mẫu chuyện mang tính dã sử (thường có tính chất văn học và huyền sử); Chẳng hạn chuyện vua Quang Trung tiến quân thần tốc ra Bắc, chuyện vua Quang Trung tổ chức cho quân sĩ ăn Tết, chuyện mối tình vua Quang Trung với Ngọc Hân công chúa, chuyện vua Quang Trung đối sách với nhà Thanh, chuyện vua Quang Trung sử dụng người tài, chuyện vua Quang Trung cầu hôn công chúa nhà Thanh, chuyện vua Quang Trung băng hà,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu cấu trúc của văn bản nghị luận.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: **Ô chữ bí mật**

Hoạt động của GV và HS													Dự kiến sản phẩm																																						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu Tri thức Ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi Ô chữ bí mật + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.75, 76 (5 phút), sau đó gấp SGK lại. + Cả lớp cùng tham gia trò chơi. - GV chuẩn bị Ô CHỮ để HS chọn khi tham gia trả lời câu hỏi. - HS lần lượt tham gia bằng cách chọn ô chữ và trả lời câu hỏi để tìm bí mật có trong ô chữ. (HS tham gia trả lời 8 câu hỏi, mỗi câu hỏi trong 20s), cụ thể:																										I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Cấu trúc của văn bản nghị luận - Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng... được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. - Là thành tố có tính chất bao trùm: luận đề có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các luận điểm trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mọi quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận . 2. Yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, người viết còn có thể sử dụng một số yếu tố hỗ trợ như: thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm,... - Thuyết minh trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận																									
1						C	Â	U	C	H	U	Y	Ê	N																																					
2					L	U	Â	N	Đ	Ê																																									
3			M	I	Ê	U	T	A																																											
4						T	U	S	U																																										
5			B	Ô	T	R	Ơ																																												
6				T	H	U	Y	Ê	T	M	I	N	H																																						
7		B	I	Ê	U	C	A	M																																											
Cột dọc: Cách tổ chức văn bản nghị luận thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. (Đáp án: Cấu trúc) Hàng ngang: Hàng 1. Vấn đề cốt yếu mà phương thức tự sự đảm nhiệm kể lại. (Đáp án: Câu chuyện) Hàng 2. Thành tố có tính chất bao trùm có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm trong văn bản nghị luận. (Đáp án: Luận đề) Hàng 3. Một yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. (Đáp án: Miêu tả) Hàng 4. Một yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm																																																			

mà người viết nêu lên. (Đáp án: Tự sự) Hàng 5. Yếu tố tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, được gọi là yếu tố... (Đáp án: Bổ trợ) Hàng 6. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. (Đáp án: Thuyết minh) Hàng 7. Một yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục. (Đáp án: Biểu cảm) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu. - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS tham gia trò chơi, ai tìm ra cột dọc nhanh nhất sẽ là người chiến thắng. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm HS trả lời nhanh và đúng.	bàn trở nên xác thực. - Miêu tả được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. - Tự sự đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. - Biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.
--	---

2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự đóng góp; hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà để tìm hiểu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao cho các nhóm chuẩn bị trước ở nhà: 1. Tìm kiếm tư liệu về Ngô Thì Nhậm và <i>Chiếu cầu hiền</i>. 2. Thiết kế bài thuyết trình có sự hỗ trợ của phần mềm powerpoint. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	II. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Ngô Thì Nhậm - Ngô Thì Nhậm (1746 – 1803) hiệu là Hy Doãn, người làng Tả Thanh Oai (làng Tó), huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội). - Là danh sĩ, nhà văn đời hậu Lê và Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh. - Ngô Thì Nhậm thông minh, học giỏi, sớm có những công trình về lịch sử, văn học, triết học,... 2. Tác phẩm

vụ - GV tổ chức cho các nhóm học sinh thực hiện phần thi “<i>Những con người làm nên lịch sử</i>”. - Chọn MC dẫn dắt đề đại diện các nhóm HS thuyết trình về sản phẩm đã thiết kế trước ở nhà. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần).	- Hoàn cảnh ra đời: Do Ngô Thì Nhậm viết thay vua Quang Trung vào khoảng năm 1788 – 1789 nhằm thuyết phục sĩ phu Bắc Hà ra cộng tác với triều đại Tây Sơn. - Thể loại: + Chiếu thuộc loại văn nghị luận cổ, thường do vua chúa ban bố mệnh lệnh (công bố những chủ trương, đường lối, nhiệm vụ) xuống triều đình và nhân dân thực hiện. + Có thể do vua đích thân viết nhưng thường do các văn tài võ lược viết thay vua. - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. - Bố cục: 4 phần. + Phần 1 (Từ đầu đến ...<i>người hiền vậy</i>): Theo lẽ phải xưa nay, người hiền tài phải phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống. + Phần 2 (Tiếp đến ...<i>vương hầu chăng?</i>): Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua mong gặp được người hiền tài. + Phần 3 (Tiếp đến ...<i>của trăm hay sao?</i>): Những khó khăn buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài giúp nước. + Phần 4 (Còn lại): Nêu cách thức chiêu mộ, sử dụng người hiền tài.
---	---

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Qua việc đọc, HS cần nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố hỗ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
- HS hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm qua *Cầu hiền chiếu* - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.
- HS thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia chương trình: *Chiếu cầu hiền - quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời* để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV nhắc HS mấy điều trước khi đọc:	III. Đọc và tìm hiểu chú thích 1. Đọc văn bản Giọng tha thiết, tình cảm (phần 2, 3); giọng hùng hồn, mạnh mẽ (phần 4).

- + Thứ nhất, nắm được bố cục của văn bản (qua việc đánh số thứ tự văn bản trong SGK).
- + Thứ hai, giọng đọc phải phù hợp với nội dung từng đoạn.
- + Thứ ba, cần chú ý các thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản để nắm được những thao tác nghị luận mà người viết sử dụng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV gọi 2 HS đọc VB, 1 HS đọc cước chú giải thích nghĩa từ khó, kết hợp gọi các HS khác trả lời nhanh các câu hỏi
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đọc văn bản theo yêu cầu.
- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét cách đọc của HS.
- GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc văn bản

***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**

GV hướng dẫn HS tham gia chương trình: *Chiếu cầu hiền - quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ và chuẩn bị tham gia chương trình.

Nhóm 1: Nhà sử học

1. Tìm hiểu lí do và mục đích của bài chiếu:

Chiếu cầu hiền được ban bố với lí do và mục đích gì?

2. Tìm hiểu đối tượng của bài chiếu hướng tới:

Văn bản hướng tới đối tượng nào trong xã hội lúc bấy giờ? Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn chiếu này, Ngô Thì Nhậm đối diện với những khó khăn gì trong việc thuyết phục các đối tượng đó ra gánh vác việc nước?

Nhóm 2: Nhà ngôn ngữ học

1. Tìm hiểu cấu trúc bài chiếu:

Văn bản có mấy phần? Phân tích mối quan hệ giữa nội dung các phần.

2. Tìm hiểu nghệ thuật lập luận của bài chiếu:

- Nghệ thuật lập luận thể hiện như thế nào qua việc dùng lí lẽ và bằng chứng, phối hợp với các yếu tố

2. Tìm hiểu chú thích (SGK)

IV. Khám phá văn bản

1. Lí do và mục đích của bài chiếu

- Lí do bài chiếu ra đời:** Những bất cập của triều đại mới, gặp nhiều khó khăn nên đòi hỏi sự trợ giúp của nhiều bậc hiền tài.

- Mục đích của bài chiếu:** Kêu gọi các hiền tài của chế độ cũ (nhà Lê) cởi bỏ tị hiềm, gắng đem hết tài sức của bản thân ra cộng tác với triều đại Tây Sơn do vua Quang Trung đứng đầu để chấn hưng đất nước.

2. Đối tượng Chiếu cầu hiền hướng tới

- Đối tượng mà *Cầu hiền chiếu* hướng tới là những người có học, có tài, từng gắn bó với triều đại nhà Lê, ở những cương vị khác nhau. Đó là những “sĩ phu Bắc Hà” theo cách hiểu của người thời đó.

- Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn *Cầu hiền chiếu*, **Ngô Thì Nhậm** đối diện với những thử thách không nhỏ:

biểu cảm, thuyết minh? - Theo bạn, điều gì tạo nên sức thuyết phục của <i>Chiếu cầu hiền</i>? Nhóm 3: Nhà chính trị gia <i>Tìm hiểu thông điệp của bài chiếu:</i> - Bài chiếu có xuất xứ đặc biệt như thế nào? - Viết <i>Chiếu cầu hiền</i> trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt, tác giả đã gửi gắm khát vọng lớn lao nào đối với đất nước? - Chính sách của Quang Trung - Nguyễn Huệ có còn ý nghĩa trong xã hội ngày nay không? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận theo định hướng Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn HS làm MC cho chương trình: <i>Chiếu cầu hiền – quyết sách một thời, tư tưởng ngàn đời</i> thực hiện cuộc phỏng vấn với các chuyên gia lịch sử, chuyên gia ngôn ngữ và chuyên gia chính trị - Đại diện HS các nhóm tham gia chương trình (vai khách mời) chia sẻ theo câu hỏi dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt vấn đề. - GV nhấn mạnh, mở rộng thêm ở một số nội dung sau: + Những thử thách Ngô Thì Nhậm đối diện khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn <i>Cầu hiền chiếu</i>: ++ <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> kể lại, thời ấy, có người trí thức tên là Lý Trần Quán đã yêu cầu người thân chôn sống mình để tạ lỗi với chúa Trịnh Khải. Rõ ràng, ở thời điểm này, việc kêu gọi người hiền tài ra phò vua mới (Quang Trung), gánh vác việc nước là điều rất khó khăn. ++ Sử sách từng ghi lại nhiều cuộc thanh toán đẫm máu của triều đại mới đối với bề tôi của triều đại cũ, vì sợ đó là mầm mống của phản loạn. Trong bối cảnh ấy, dùng tờ chiếu để tạo được niềm tin, khiến cho những trí thức tài năng dẹp bỏ nghi kỵ, sẵn sàng cộng tác với triều Tây Sơn là chuyện vô cùng nan giải. + Nghệ thuật lập luận của bài chiếu:	+ Một mặt, đó là nếp nghĩ “tôi trung không thờ hai chủ” đã ăn sâu vào ý thức của những người sĩ phu. + Mặt khác, trong ý thức của nhiều vị sĩ phu, triều đại mới của vua Quang Trung chưa được xem là chính thống, họ chưa có thiện cảm. Thậm chí, họ còn nom nớp sợ hãi khi biết mình thuộc lực lượng của triều vua cũ. 3. Cấu trúc bài chiếu - Văn bản có bốn phần: + Phần 1: Theo lẽ phải xưa nay, người hiền tài phải phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống. + Phần 2: Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua mong gặp được người hiền tài. + Phần 3: Những khó khăn buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài giúp nước. + Phần 4: Nêu cách thức chiêu mộ sử dụng người hiền tài. - Mối liên hệ về nội dung giữa các phần: Lẽ phải ở đời: Người tài cần thể hiện vai trò, phát huy tài năng. (Phần 1) → Vậy mà nhiều người hiền tài có tư tưởng lánh đời. Tình trạng thiếu người hiền dẫn đến những khó khăn trong việc xây dựng triều đại mới. (Phần 2) → Vì vậy, con đường đúng đắn duy nhất là phải mời gọi người hiền tài ra đảm nhận trọng trách, giúp vua phục hưng đất nước. (Phần 3) → Muốn chiêu mộ được người hiền tài, cần có cách thức phù hợp. (Phần 4). => Như vậy, các phần của văn bản có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: Phần 1 là cơ sở để nêu Phần 2; Phần 2 tất yếu sẽ dẫn đến nội dung cần trình bày ở Phần 3. Nhờ ba phần trước mà những cách thức chiêu mộ nhân tài nêu ở Phần 4 mới hợp lí, logic. 4. Nghệ thuật lập luận của bài chiếu
--	---

++ Ví dụ cho **lí lẽ** :“Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này, cứ cái ấp mười nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trăm hay sao?”.

++ Ví dụ cho **bằng chứng** :“Kìa như, trời còn tăm tối, thì đáng quân tử phải trở tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỉ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trăm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi”.

+ **Thông điệp của bài chiếu**: Khi tìm hiểu thông điệp cần lưu ý đến xuất xứ đặc biệt của bài chiếu: Ngô Thì Nhậm nhân danh vua Quang Trung viết *Cầu hiền chiếu*. Nghĩa là, Ngô Thì Nhậm chấp bút, nhưng chủ thể phát ngôn là Quang Trung (thể hiện qua đại từ *trẫm*). “Nhập vai” vua Quang Trung viết tờ chiếu, Ngô Thì Nhậm hiểu được tầm quan trọng của việc ban chiếu, yêu cầu về tính thuyết phục của tờ chiếu khi hướng tới những đối tượng đặc biệt.

+ **Ý nghĩa xã hội của bài chiếu**:

Từ những ngày đầu dựng nước, trọng dụng hiền tài là một cách thức để nhà nước tìm kiếm những vị anh tài giúp ích cho đất nước, để đưa đất nước đi lên. Hiện nay, việc trọng dụng hiền tài càng trở nên thiết thực và cấp bách hơn nữa bởi thế giới đang

- **Lí lẽ** được người viết sử dụng là những suy luận rất logic, chạm đến chân lí phổ biến, ai cũng phải thừa nhận,

- **Bằng chứng** được lấy từ thực tế liên quan đến đời sống, cho nên rất khó bác bỏ. Đồng thời, ngay ở những câu nêu bằng chứng, yếu tố biểu cảm cũng rất đậm, thể hiện ở những lời gan ruột của một vị vua nên càng tăng thêm sức thuyết phục.

- **Việc phối hợp các yếu tố biểu cảm, thuyết minh với lí lẽ, bằng chứng** như nêu trên khiến một số nội dung trở nên rõ ràng, tường minh, văn bản tăng thêm sức thuyết phục, tác động mạnh vào lí trí và tình cảm của người đọc.

- **Những điều góp phần làm nên sức thuyết phục của *Cầu hiền chiếu***:

+ Có một tư tưởng đúng đắn, quang minh chính đại được thể hiện qua luận đề: Cần người hiền tài giúp vua dựng đất nước.

+ Các luận điểm rõ ràng, mạch lạc, quan hệ với nhau rất chặt chẽ.

+ Lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, thái độ chân thành thể hiện sự thấu hiểu lòng người, lời mời gọi tha thiết.

5. Thông điệp bài chiếu

- **Thông điệp**: Bài chiếu chứa chở khát vọng lớn lao: muốn thuyết phục người hiền tài vượt qua những e dè, nghi ngại, đồng tâm hợp lực để cùng vua xây dựng triều đại mới, cũng chính là làm cho đất nước ngày càng vững mạnh. Đây là tư tưởng lớn của một người toàn tâm toàn ý với đại nghiệp của quốc gia.

- **Ý nghĩa xã hội**:

+ Trọng dụng hiền tài là điều hết sức cần thiết ở mọi quốc gia. Một đất nước muốn phát triển thì không thể không

vận hành theo một phương thức mới, nơi mà công nghệ kỹ thuật dần thay thế sức lao động con người. Chính vì vậy, trí tuệ của con người vô cùng đáng giá và là nguồn lực chủ đạo đối với quá trình phát triển của mỗi quốc gia.	chiêu mộ những người tài, người giỏi trước hết là ở trong quê mình. Hiền tài là người hội tụ đầy đủ về đạo đức lẫn trí tuệ. + Trọng dụng hiền tài là chủ trương đúng đắn và luôn được nhà nước ta từ xưa đến nay chú trọng, đề cao.
---	--

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	V. Tổng kết 1. Nội dung - <i>Cầu hiền chiếu</i> là một văn kiện lịch sử quan trọng thể hiện chủ trương, đường lối đúng đắn của vua Quang Trung. - Qua bài chiếu, ta thấy được tấm lòng đối với người tài, đối với đất nước cũng như nhân cách cao đẹp của vua Quang Trung. 2. Nghệ thuật <i>Cầu hiền chiếu</i> là một áng văn nghị luận mẫu mực: - Lập luận chặt chẽ, hợp lí, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có sức thuyết phục cả về lý và tình. - Lời lẽ khiêm nhường, chân thành, ngắn gọn, súc tích, tư duy sáng rõ. - Từ ngữ, hình ảnh: Từ ngữ giàu sức gợi, cách nói sùng cổ, sử dụng điển cố, hình ảnh ước lệ, tượng trưng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về quan điểm: Người có tài cần phát huy tài năng của mình để đóng góp cho sự nghiệp chung.

- GV gợi ý để HS suy nghĩ thêm một số khía cạnh:

- + Người có tài có ưu thế gì so với người bình thường khi giải quyết các công việc?
- + Vì sao cuộc sống của cộng đồng cần sự chung tay của nhiều người?
- + Người có tài có thể đóng góp được gì cho cuộc sống của cộng đồng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV có thể dành thời gian (khoảng 10 - 15 phút) cuối tiết học cho HS viết tại lớp. Lưu ý HS về dung lượng, cách tổ chức đoạn văn; chuẩn mực ngữ pháp và việc diễn đạt của các câu; liên kết câu trong đoạn.

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

<https://docs.google.com/forms/d/1h4q0-o4s9jYUu0CzOApjdesgQu5L-E-yISuAlVr2XaA/edit>

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.

- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).

- GV thu kết quả viết để theo dõi năng lực viết của từng HS và sử dụng trong việc dạy học cách triển khai từng luận điểm thành đoạn văn (gắn với phần Viết của các bài).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	0
Nội dung	Bày tỏ được suy nghĩ của bản thân về quan điểm: Người có tài cần phát huy tài năng của mình để đóng góp cho sự nghiệp chung.	
	Thể hiện được quan điểm, thái độ rõ ràng.	2
	Đưa ra được lí lẽ xác đáng, thuyết phục.	2
	Đưa ra được bằng chứng xác thực, đáng tin cậy.	2
	Bộc lộ được thông điệp nhân văn, ý nghĩa.	1
	So sánh với một số văn bản nghị luận khác cùng đề tài.	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Nhân tố con người là chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn gốc của cải vật chất và văn hóa, mọi nền văn minh của các quốc gia. Lịch sử cho thấy những bậc "minh quân" đều rất coi trọng người tài, có thể kể đến như: vua Lê Thái Tổ với "Chiếu cầu hiền" (năm 1429), vua Quang Trung với "Chiếu lập học",... Tất cả đều thể hiện mong muốn có nhiều nhân tài để xây dựng triều đại thịnh trị, làm cho "Quốc thái dân an". Nhân tài có vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc, hiền tài được coi là "nguyên khí của

quốc gia”. Nhân tài không dùng tài năng để mưu cầu hạnh phúc riêng mà thường đem tài năng ấy đóng góp cho sự tiến bộ và phát triển của cộng đồng, đất nước cũng như của cả nhân loại, được xã hội thừa nhận, trọng dụng và tôn vinh.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện bài tập dự án.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Dự án học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS: Tìm hiểu chính sách sử dụng hiền tài qua các thời đại ở nước ta.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm việc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, góp ý hình thành tư duy khoa học và thẩm mỹ cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.

- Tìm đọc thêm các bài nghị luận cùng chủ đề.

- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Tôi có một ước mơ* (Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*, Mác-tin Lu-thơ Kinh): tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 27,28

VĂN BẢN 2: TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ

(Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*)

Mác-tin Lu-thơ Kinh

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-**Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- HS phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp cần thiết.

2. Phẩm chất

Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Luận bàn về ước mơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip bài hát <i>Glory</i> trong phim <i>Selma</i> (Bài hát nằm trong bộ phim tiểu sử về Martin Luther King Jr - <i>Selma</i> (Giấc mơ thay đổi thế giới) - do nam ca sĩ John Legend và rapper Common trình bày. Bài hát đầy cảm xúc <i>Glory</i> gợi nhớ những khoảnh khắc quan trọng của phong trào đòi nhân quyền từ sự kiện người phụ nữ Rosa Parks và chiến dịch tẩy chay xe buýt lớn nhất lịch sử những năm 1950 đến vụ biểu tình sau cái chết của thiếu niên da đen Michael Brown bị cảnh sát da trắng Darren Wilson bắn chết ở Ferguson, Missouri hồi	- HS quan sát, nghe bài hát. - HS chia sẻ mơ ước của bản thân. - HS thể hiện suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của ước mơ.

cuối năm 2014. <i>Glory</i> cũng giành được chiến thắng bài hát trong phim xuất sắc nhất tại giải <i>Quả cầu vàng</i>. - GV hướng dẫn HS viết ước mơ của mình lên giấy nhớ và cùng dán lên bảng. - Hãy nêu cảm nhận của bạn về ý nghĩa của ước mơ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện khoảng 3-5 HS chia sẻ ước mơ của mình và nêu cảm nhận về ý nghĩa của ước mơ. - HS khác quan sát, lắng nghe, xung phong chia sẻ, bổ sung quan điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tiếp tục đọc những chia sẻ của HS trên giấy nhớ và dẫn dắt giúp HS hình dung tới những ước mơ vĩ đại về hạnh phúc cho nhân dân, bình yên cho đất nước trong <i>Hịch tướng sĩ</i> (Trần Quốc Tuấn), <i>Bình Ngô đại cáo</i> (Nguyễn Trãi), <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> (Hồ Chí Minh), hoặc qua những áng thơ văn hoặc lời phát biểu nổi tiếng... ➔ GV dẫn vào bài: Dân tộc nào cũng có quyền tự hào vì có những con người kiệt xuất cống hiến hết mình cho dân, cho nước, nhiều người vừa là nhà chính trị vừa là nhà văn, nhà thơ lớn. Việc tìm hiểu văn bản <i>Tôi có một ước mơ</i> của Mác-tin Lu-thơ Kinh sẽ giúp chúng ta hiểu rõ thêm điều này.	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự đóng góp; hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, quan sát video để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu kiến thức về tác giả, tác phẩm qua đoạn Clip. https://www.youtube.com/watch?v=wX4uTB04gRs&t=29s - GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi để nêu vắn tắt những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Martin Luther King (1929 – 1968) là mục sư Baptist, nhà hoạt động nhân quyền người Mỹ gốc Phi, và là người đoạt giải Nobel Hoà

- HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày nội dung thảo luận. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - GV bổ sung thêm kiến thức về Martin Luther King: + Martin Luther King là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ cũng như lịch sử đương đại của phong trào bất bạo động. King được nhiều người trên khắp thế giới ngưỡng mộ như một anh hùng, nhà kiến tạo hoà bình và thánh tử đạo. + Ngày 4 tháng 4 năm 1968, King bị ám sát tại Memphis, Tennessee. Năm 1977, Tổng thống Jimmy Carter truy tặng King Huân chương Tự do của Tổng thống. + Đến năm 1986, ngày Martin Luther King, Jr. được công nhận là quốc lễ. Năm 2004, ông được truy tặng Huân chương vàng Quốc hội.	bình năm 1964. 2. Tác phẩm - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: ngày 28 – 8 – 1963, Mác-tin Lu-thơ Kinh đã tham gia tổ chức tuần hành tại Oa-sing-ton. Buổi tuần hành nhằm mục đích kêu gọi tham gia đạo luật dân quyền, bình đẳng cho người da đen. Tại đây, Mac-tin đã đọc bài diễn thuyết này. - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. - Bố cục: Văn bản chia thành 3 phần: + Phần 1 (từ đầu... “xấu hổ này”): Thực trạng cuộc sống người da đen. + Phần 2 (tiếp theo... “Ten-nơ-xi”): Cuộc đấu tranh của những người da đen. + Phần 3 (còn lại): Giấc mơ của người da đen ở nước Mỹ.
--	--

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp cần thiết.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chỉ định HS đọc diễn	II. Đọc và tìm hiểu chú thích 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chú thích III. Khám phá văn bản

cảm thành tiếng. - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau khi HS đọc, GV cần nhận xét về cách đọc và chú ý những điểm cần khắc sâu khi đọc văn bản. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc của Luther (có phụ đề). *Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: Nhóm 1,2: Tìm hiểu sức thuyết phục từ tư tưởng chủ đề và thông điệp của bài diễn văn theo gợi ý sau: - Vấn đề trọng tâm được đề cập ở văn bản <i>Tôi có một ước mơ</i> là gì? - Nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả đối với nước Mỹ qua văn bản.	1. Sức thuyết phục từ tư tưởng chủ đề và thông điệp của bài diễn văn a. Vấn đề trọng tâm của văn bản Khẳng định quyền bình đẳng của người da đen, kêu gọi hành động đấu tranh vì sự tự do, bình đẳng của người da đen trên đất Mỹ. b. Thái độ, tình cảm của người viết - Mục đích và quan điểm đấu tranh của tác giả: trước hết là vì tự do, bình đẳng cho người da đen, nhưng cao cả hơn, đó là vì một nước Mỹ hùng cường, bình đẳng như bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> của Mỹ đã khẳng định. Mỹ là một quốc gia đa sắc tộc, đa văn hóa. Tuy nhiên, ẩn sau bức màn văn hóa đó bao năm qua vẫn âm ỉ tình trạng phân biệt sắc tộc, đặc biệt là sự kỳ thị của những người Mỹ da trắng với cộng đồng người Mỹ gốc Phi. Chính vì lẽ đó, tác giả muốn tất cả mọi người dân đều được sống trong một đất nước tự do bình đẳng để đất nước có thể phát triển. - Tình cảm của người viết: Tình yêu lớn đối với nước Mỹ và người dân Mỹ gốc Phi bị đối xử phân biệt; quan điểm đấu tranh bất bạo động của tác giả chính là yếu tố tạo nên vị trí và sức thuyết phục với đông đảo người da đen và cả người da trắng. c. Thông điệp của bài diễn văn - Bối cảnh ra đời của bài diễn văn: Bài diễn văn được phát biểu vào ngày 28/8/1963. Nước Mỹ hiện nay đã tiến được những bước dài trên con đường hiện thực hoá giấc mơ của Mác-tin Lu-thơ Kinh khi người da đen nói riêng và người da màu nói chung đã có những quyền tự do, dân chủ cơ bản như người da trắng (có tổng thống là người da đen). - Bối cảnh của nước Mỹ và của thế giới hiện nay: Nước Mỹ ngày nay vẫn đang phải tiếp tục giải quyết tình trạng bất bình đẳng và kì thị chủng tộc, nhất là đối với người da đen. - Nhìn rộng ra trên phạm vi toàn cầu: Thế giới vẫn còn tồn tại sự bất bình đẳng về sắc tộc, vẫn còn những con người phải sống cuộc sống trên “hòn đảo nghèo đói giữa một đại dương mệnh mông thịnh vượng về vật chất”, vẫn còn những hành vi bạo lực. => Do vậy, quan điểm đấu tranh của Lu-thơ Kinh, niềm tin và ước mơ của Lu-thơ Kinh không chỉ có ý nghĩa đối với nước Mỹ thời điểm đó mà còn có ý nghĩa thức tỉnh đối với nhiều người, nhiều dân tộc hiện nay trên toàn thế giới trong cuộc đấu tranh vì hoà bình và công lí cho các dân tộc. 2. Sức thuyết phục từ cấu trúc bài diễn văn
--	---

- Theo bạn, quan điểm và ước mơ của tác giả được thể hiện trong văn bản đến nay còn có ý nghĩa không? Hãy lí giải ý kiến của bạn. Nhóm 3,4: Tìm hiểu sức thuyết phục từ cấu trúc bài diễn văn theo các gợi ý sau: - Chỉ ra các luận điểm được tác giả triển khai trong văn bản. - Phân tích cách tác giả dùng lí lẽ và bằng chứng để trình bày quan điểm của mình nhằm thuyết phục người nghe, người đọc. - Trong đoạn kết của văn bản, tác giả đã bộc lộ ước mơ gì? Hình ảnh “tự do ngân vang từ những đỉnh đồi, [...] ngọn núi” có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện ý tưởng và cảm xúc của tác giả? - Hãy chỉ ra và phân tích hiệu quả của các biện pháp tu từ (điệp ngữ, ẩn dụ,...) đã được tác giả sử dụng. - Bước 2: Các nhóm trao đổi chéo theo cặp <i>Thành viên nhóm 1 và thành viên nhóm 3 trao đổi cặp với nhau</i> <i>Thành viên nhóm 2 và thành viên nhóm 4 trao đổi cặp với nhau</i> - Bước 3: Đại diện các nhóm lên tham gia tọa đàm: Tôi có một ước mơ - áng văn nghị luận giàu	a. Hệ thống luận điểm - luận cứ				
	Hệ thống luận điểm		Lí lẽ		Bằng chứng
	ST T	Luận điểm	Lí lẽ	Nghệ thuật lập luận	
	1	Thực trạng cuộc sống của người da đen.	Người da đen chưa được tự do, trái ngược với những gì đã được tuyên bố trong bản <i>Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ</i> .	Thủ pháp đối lập (Một trăm năm trước >< Một trăm năm sau)	Người da đen bị phân biệt, nghèo đói, tị nạn trên chính quê hương mình
	2	Xác định thời điểm quan trọng nhất để đòi lại công lí cho người da đen.	- Khẳng định đây là thời điểm quan trọng nhất để đòi lại công lí cho người da đen - Phán bác thái độ “phớt lờ vấn đề cấp bách ở thời điểm này.”	Tác giả đã dùng một loạt mệnh đề khẳng định	- Năm 1963 chưa phải là năm kết thúc, mà là năm khởi đầu - ...nhiều người anh em da trắng minh chứng bằng sự hiện diện ở đây ngày hôm nay
	3.	Cần có thái độ đấu tranh đấu tranh kiên quyết nhưng không	- Tác giả đã khẳng định cần có cách đấu tranh đúng đắn - “đừng phạm lỗi bởi hành	Những câu văn mang tính mệnh lệnh	Nhiều người da trắng cũng đang tham gia đấu tranh vì công lí cùng

tính thuyết phục - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm tham gia tọa đàm để thể hiện ý kiến đã thảo luận. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện,... Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá phần trình bày của HS, chốt kiến thức.		phải bằng bạo lực.	động sai trái” .		người da đen
	4	Cần đoàn kết trong cuộc đấu tranh đòi công lí.	- Chúng ta không thể bước đi đơn độc - Chúng ta không thể quay lại...	Những câu văn phủ định	- Người da đen không thuê được phòng - Chưa được tự do di chuyển,...
	4	Niềm tin và ước mơ về tự do, công lí cho người da đen.	- Không thể hài lòng khi công lí chưa được thực thi - Tin rằng công bằng, bình đẳng sẽ đến.	Dùng những ẩn dụ, cách nói hình ảnh, phép điệp và các câu phủ định của phủ định	- Bạn phải vượt qua thử thách - Bạn vừa thoát khỏi xà lim
b. Cách sử dụng các biện pháp tu từ - Biện pháp điệp ngữ: + Tôi mơ rằng, + Chúng ta, + Đây là lúc... => Hiệu quả: Tạo giọng điệu hùng hồn, tha thiết, vừa chứa đựng trong đó tư tưởng lớn vừa bộc lộ những cảm xúc mãnh liệt. - Biện pháp ẩn dụ: + hòn đảo nghèo đói giữa một đại dương mệnh mông thịnh vượng về vật chất + Mùa hè ngọt ngào của người da đen, làn gió thu của tự do và bình đẳng mát mẻ thổi đến + cơn khát tự do, những chén hận thù và cay đắng + bóng đêm và thung lũng hoang tàn của sự phân biệt chủng tộc, + con đường chan hòa ánh nắng của sự bình đẳng về chủng tộc, + vùng cát lún của sự bất công,... => Hiệu quả: Biện pháp tu từ ẩn dụ giúp nhấn mạnh thái độ và tình cảm của tác trước những sự việc người da đen bị đối					

	xử phân biệt, bất công. Từ đó, bày tỏ ước mơ về tự do và nhân quyền trước công chúng của tác giả, kêu gọi quyền bình đẳng cho những người da đen. Đồng thời làm tăng sức biểu đạt, tính hàm súc và sức gợi mở lớn cho văn bản. c. Đoạn kết - “Tôi mơ...” vang lên như một điệp khúc cho thấy ước mơ của tác giả về sự bình đẳng, tình bằng hữu, sự tôn trọng nhân cách của cả người da đen và da trắng. - Hình ảnh “tự do ngân vang từ những đỉnh đồi, [...] ngọn núi” mang ý nghĩa biểu tượng cho sự lớn lao, vĩ đại của nước Mỹ trong niềm ước mơ của tác giả.
--	---

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Từ bài diễn văn “Tôi có một ước mơ”, bạn rút ra được bài học gì trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.	IV. Tổng kết 1. Nội dung Bài diễn văn đã thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm của Luther King về việc chống nạn phân biệt chủng tộc; đồng thời ủng hộ ước mơ của ông cho tương lai của nước Mỹ - một tương lai công bằng, bình đẳng. 2. Nghệ thuật - Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và quan hệ giữa chúng với luận đề; tình cảm, thái độ của tác giả đối với vấn đề bàn luận được thể hiện qua giọng điệu văn bản -> Các

Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	thành tố này được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, thuyết phục người đọc. - Các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm và các biện pháp tu từ làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn thấy tâm đắc khi đọc văn bản *Tôi có một ước mơ*.

- GV gợi ý để HS có thể lựa chọn được điều mình tâm đắc nhất khi đọc văn bản *Tôi có một ước mơ*, chẳng hạn:

- + Quan điểm đấu tranh hoà bình của tác giả;
- + Niềm tin và ước mơ được nói đến trong văn bản;
- + Chất hùng biện của văn bản,..).

- Qua việc phân tích vấn đề mình tâm đắc trong văn bản, HS làm sáng tỏ suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

https://docs.google.com/forms/d/1m_9Eu5axH435zgt04_gCghNxV2kx5CjPtxVFiTpgyVE/edit?pli=1

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	1.0
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	0.0
Nội dung	Lựa chọn được một phương diện nổi bật của văn bản. Đánh giá được phương diện đó.	
	Lựa chọn được một phương diện có ý nghĩa nhân văn trong văn bản.	2.0
	Đưa ra được những đánh giá xác đáng, hợp lí.	3.0

	So sánh với những văn bản khác cùng nội dung đã chọn để thấy vẻ đẹp riêng.	2.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Cả cuộc đời tranh đấu cho lẽ phải, cho công bằng, cho nhân quyền đã giúp Luther King nhận ra: điều quan trọng nhất với mỗi con người, với cả nhân loại chính là niềm tin và mơ ước. Mỗi chúng ta ai cũng có những giấc mơ riêng mình, có những giấc mơ nhỏ nhoi nuôi lớn tâm hồn một con người, có những ước mơ vĩ đại làm bất diệt thêm lẽ phải cuộc đời... Với Luther King, giấc mơ đầu đời chính là sự công bình, là quyền con người. Chính những điều chân thành, giản dị mà ông viết lên đã nói với chúng ta rằng cuộc sống dù có khó khăn, hiện thực dù không mấy tốt đẹp, thì cũng đừng bao giờ đánh mất đi niềm tin và mơ ước. Sức mạnh của niềm tin thôi thúc ta nghĩ về viễn cảnh tươi sáng của ngày mai và trở thành một quyết tâm mạnh mẽ giúp ta hoàn thành được niềm mơ ước ấy. Sống là phải có niềm tin và mơ ước. Những giấc mơ thành sự thật đều bắt nguồn từ niềm tin vững chắc rằng không gì là không thể.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung: HS xem phim *Selma* rồi trả lời câu hỏi về Luther King.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS xem phim rồi trả lời câu hỏi về Luther King: Luther King đã có ước mơ gì? Ông đã làm gì để thực hiện ước mơ của mình? Ước mơ đó có thành sự thực không?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi (vào tiết học sau).

- HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện (nếu cần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.

- Tìm đọc thêm các bài nghị luận cùng chủ đề.

- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 3. *Một thời đại trong thi ca* (Trích *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh): tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

Tiết: 29

TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I

Tiết: 30

VĂN BẢN 3: MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

(Trích *Thi nhân Việt Nam*)

Hoài Thanh

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tính cảm của người viết, vai trò của các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của thời kì 1930 – 1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

2. Phẩm chất

HS có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, yêu tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ, thẻ nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm tham gia trò chơi “**Ai nhanh ai đúng?**”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 5 đội chơi (mỗi đội khoảng 9 thành viên) - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi “Ai nhanh ai đúng?” - GV chuẩn bị sẵn các thẻ, trên đó ghi: + Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Thế Lữ, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Đoàn Phú Tứ, Anh Thơ + Cây chuối, Đọc Tiểu Thanh kị, Tự tình, Chinh phụ ngâm, Bài ca ngắn đi trên bãi cát, Nhàn, Bài ca ngắn đứng trên bờ, Câu cá mùa thu, Thương vợ, Nhớ rừng, Xuân, Đây thôn Vĩ Dạ, Tương tư, Vội vàng, Chiều xuân, Màu thời gian + Chữ quốc ngữ, chữ Hán, chữ Nôm, trí thức Tây học, Nho sĩ (hoàng đế, quan lại, nhà sư,...), cảm xúc cá nhân, sự vận động của cảnh vật, ý thức về bản phận, vẻ đẹp bất biến, hợp thể, thơ tự do, theo luật (thất ngôn, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú) - HS thực hiện trò chơi phân loại thẻ và đặt tên theo gợi ý từ các tấm thẻ trong thời gian 5 phút Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện các đội chơi trình bày ý tưởng. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, chọn ra đội thắng cuộc (là đội nhanh và đúng) trao phần thưởng hoặc cho điểm.	1. Thơ cũ (trung đại) - Tác giả: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương. - Tác phẩm: Cây chuối, Nhàn, Đọc Tiểu Thanh kị, Tự tình, Chinh phụ ngâm, Bài ca ngắn đi trên bãi cát, Bài ca ngắn đứng trên bờ, Câu cá mùa thu, Thương vợ. - Một số đặc điểm sáng tác: + Văn tự: Chữ Hán, chữ Nôm + Tác giả: Nho sĩ (hoàng đế, quan lại, nhà sư,...), + Nội dung: Ý thức về bản phận, vẻ đẹp bất biến, + Thể thơ: Theo luật (thất ngôn, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú) 2. Thơ mới - Tác giả: Thế Lữ, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Anh Thơ, Đoàn Phú Tứ - Tác phẩm: Nhớ rừng, Xuân, Đây thôn Vĩ Dạ, Tương tư, Vội vàng, Chiều xuân, Màu thời gian - Một số đặc điểm sáng tác: + Văn tự: Chữ quốc ngữ + Tác giả: Trí thức Tây học, + Nội dung: Cảm xúc cá nhân, sự vận động của cảnh vật, hợp thể. + Thể thơ: Thơ tự do

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

- a. Mục tiêu:** Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; thể loại, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt chính, vị trí, bố cục,...
- b. Nội dung hoạt động:** Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.
- c. Sản phẩm:** Thuyết trình của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). - Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác giả. - Xác định: Hoàn cảnh sáng tác, thể loại, giá trị, phương thức biểu đạt chính của tác phẩm và vị trí, bố cục của đoạn trích. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV chia nhóm yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, thiết kế bản trình chiếu về tác giả Hoài Thanh và tác phẩm ở nhà. - GV hướng dẫn đại diện HS thuyết trình trước lớp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS thuyết trình, HS khác nghe, quan sát, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích 1. Tác giả - Hoài Thanh (1909 – 1982), tên khai sinh Nguyễn Đức Nguyên. - Quê ở Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An, xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo. - Ông tham gia cách mạng và chủ yếu hoạt động trong ngành Văn hóa – nghệ thuật. - Ông là nhà lý luận phê bình xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại: “<i>lấy hồn tôi để hiểu hồn người</i>”. - Cách phê bình của ông nhẹ nhàng, tinh tế gần gũi và giàu cảm xúc, hình ảnh. Có sự kết hợp giữa tính khoa học với tính văn chương logic, độc đáo. - Năm 2000, Hoài Thanh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật. 2. Tác phẩm - Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1942. - Thể loại: Phê bình văn học. - Giá trị văn bản: bản “tổng kết” về phong trào Thơ mới ngay trong thời kì phát triển đỉnh cao của nó. - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. 3. Đoạn trích - Vị trí đoạn trích: Đoạn trích là tiểu luận mở đầu cuốn <i>Thi Nhân Việt Nam 1932 – 1941</i>. - Bố cục: 3 phần: + Phần 1 (Từ đầu ... <i>phải nhìn vào đại thế</i>): Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới. + Phần 2 (Tiếp theo ... <i>rẻ rúng đến thế</i>): Tinh thần thơ mới: chữ tôi + Phần 3 (Còn lại): Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản.

- HS nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tính cảm của người viết, vai trò của các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của thời kì 1930 – 1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc văn bản. - GV đọc mẫu một đoạn ở phần đầu, cần đọc diễn cảm theo các giọng điệu phù hợp (có phần đùa bỡn, châm biếm,...), sau đó gọi một vài HS đọc tiếp. - Trong quá trình đọc, GV lưu ý HS các thẻ đọc ở bên phải văn bản để nhận ra các ý chính, cũng là các đoạn của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu clip đọc văn bản https://www.youtube.com/watch?v=rcS6hgsx6mM&t=8s *Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể: Nhóm 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm của văn bản Để làm sáng tỏ luận đề: “tinh thần Thơ	II. Đọc và tìm hiểu chú thích 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chú thích (SGK) III. Khám phá văn bản 1. Hệ thống luận điểm - Để làm sáng tỏ luận đề “tinh thần thơ mới”, Hoài Thanh đã nêu lên những luận điểm sau: + Thực trạng khó phân biệt rạch ròi thơ cũ – thơ mới. + Tiêu chí phân biệt: “bài hay sánh với bài hay” và “nhìn vào đại thể”. + Nhận diện sự khác biệt: “Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi”. + Tình trạng “cái tôi” (ý thức cá nhân) khi mới xuất hiện trong văn học Việt Nam. + Những biểu hiện khác nhau của “cái tôi” trong phong trào Thơ mới. + Ý nghĩa của “cái tôi” trong Thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời. - Các luận điểm này liên kết chặt chẽ với nhau, được trình bày tuần tự theo mạch suy luận: Bắt đầu từ thực trạng → Đưa ra tiêu chí phân biệt → Nhận diện điểm khác biệt (“cái tôi” → Phân tích tình trạng “cái tôi” trước Thơ mới → Làm rõ những biểu hiện của “cái tôi” trong Thơ mới → Chỉ ra ý nghĩa của “cái tôi” trong Thơ mới. 2. Nghệ thuật lập luận

mới", Hoài Thanh đã nêu lên những luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó. Nhóm 2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận + Lập luận về mối quan hệ cũ - mới: Ở phần đầu văn bản, tác giả đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ – thơ mới nhằm mục đích gì? + Lập luận về “cái tôi”: Hãy nhận xét cách diễn giải về "cái tôi" của Hoài Thanh trong văn bản (đặc biệt chú ý đoạn: "Đời chúng ta... cùng Huy Cận"). + Cách đưa bằng chứng: Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong nghệ thuật lập luận của Hoài Thanh được thể hiện qua văn bản. + Các biện pháp tu từ: Hãy chỉ ra và phân tích giá trị đặc sắc của những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ở cuối văn bản. Nhóm 3: Tìm hiểu thông điệp của văn bản và phong cách phê bình của Hoài Thanh Qua văn bản, bạn hiểu được những gì về phong trào Thơ mới và lối văn phê bình của Hoài Thanh? - Sau thảo luận, các nhóm cử đại diện lên thuyết trình trước lớp với chủ đề: <i>Sức thuyết phục của Một thời đại trong thi ca</i>. - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm tham gia thuyết trình dưới sự dẫn dắt của MC - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu	- Lập luận về mối quan hệ cũ – mới: Từ thực tế “các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau” và thơ cũ không hoàn toàn dở, thơ mới không phải toàn kiệt tác, tác giả đã đưa ra tiêu chí so sánh (“sánh bài hay với bài hay”, thời đại sánh cùng thời đại) nhằm mục đích “hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn”. Đây cũng là điểm tựa để tác giả thuyết phục người đọc đồng thuận với những luận giải về “tinh thần thơ mới”, về một thời đại mới trong thơ ca Việt Nam. - Lập luận về “cái tôi”: Trong đoạn trích này, Hoài Thanh đã diễn giải về “cái tôi” một cách tinh tế và độc đáo bằng cách gia tăng những biện pháp tu từ giàu tính biểu cảm. Ví dụ: + Dùng “chữ tôi” để diễn đạt khái niệm ý thức cá nhân, đối sánh với “chữ ta” thể hiện ý thức cộng đồng (gia đình, đoàn thể, quốc gia). + Dùng biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ: “nó thực bờ ngõ”, “nó như lạc loài”, “bao nhiêu con mắt nhìn nó khó chịu”, “nó đến một mình”, “nó được vô số người quen”, “nó đáng thương” để diễn tả tình trạng của ý thức cá nhân khi mới xuất hiện trong văn học Việt Nam. + Sử dụng hàng loạt từ ngữ thể hiện cảm xúc để biểu đạt về những hướng tìm tòi và những biểu hiện khác nhau của ý thức cá nhân trong Thơ mới: “Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi... Ta ngỡ ngàng buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận”. Đoạn văn đặc sắc này của Hoài Thanh vừa có nhịp điệu vừa có hình tượng độc giả đồng cảm, đồng hành để khám phá “cái tôi” của các nhà thơ mới tiêu biểu. - Cách đưa bằng chứng: Trong văn bản, tác giả đã dùng bằng chứng trích dẫn từ các tác giả nổi tiếng trong thơ trung đại và Xuân Diệu – nhà thơ được Hoài Thanh coi là “mới nhất trong các nhà Thơ mới”: + Trích dẫn thơ Xuân Diệu và các “nhà thơ cũ” (Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương) để so sánh, minh hoạ cho tình trạng khó rạch ròi giữa thơ mới – thơ cũ. + Dùng chú thích để đưa dẫn chứng minh hoạ
---	---

hỏi,... Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm (theo Rubric 1- bên dưới) và phần trình bày của HS, chốt kiến thức.	cho tình trạng thiếu vắng “cái tôi” trong thơ cũ (đoạn nói về Cao Bá Nhạ), để làm rõ sự khác biệt cảm xúc giữa thơ mới và thơ cũ (đoạn về Nguyễn Công Trứ). Những dẫn chứng được chọn lọc và trình bày hợp lí đã góp phần tăng thêm sức thuyết phục của các lập luận diễn giải trong bài. - Các biện pháp tu từ: Ở đoạn cuối văn bản, tác giả sử dụng các biện pháp tu từ điệp ngữ, lặp cấu trúc cú pháp “Chưa bao giờ như bây giờ” để nhấn mạnh trạng thái đặc biệt trong cảm xúc, tâm thế, khát vọng của các nhà Thơ mới, những người đã làm nên “một thời đại trong thi ca”. Tác giả đã bày tỏ cảm xúc tin tưởng, khích lệ các nhà thơ trong phong trào Thơ mới. 3. Thông điệp của văn bản và phong cách phê bình của Hoài Thanh - Về phong trào Thơ mới: + Đã làm nên một thời đại mới trong quá trình phát triển thơ Việt Nam mà điểm quan trọng nhất là sự thể hiện ý thức cá nhân. + Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã thể hiện “cái tôi” rất phong phú, đa dạng. + “Cái tôi” Thơ mới “buồn” và “xôn xao”. - Về lối viết phê bình văn học của Hoài Thanh: + Hệ thống ý rành mạch, logic cho thấy tư duy khoa học và hiện đại. + Đưa dẫn chứng hợp lí, giàu sức thuyết phục. + Lối văn “được viết bằng tâm hồn thi sĩ” (Thiếu Mai), giàu hình ảnh, nhịp điệu, có giọng điệu, phối thanh bằng trắc nhịp nhàng,... làm cho “phê bình cũng là văn chương”.
---	--

Rubric 1. Đánh giá hoạt động nhóm

<i>Cấp độ</i> <i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i> <i>(4 điểm)</i>	<i>Khá</i> <i>(3 điểm)</i>	<i>Trung bình</i> <i>(2 điểm)</i>	<i>Cần điều chỉnh</i> <i>(1 điểm)</i>
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và	Chú ý trao đổi,	Thường lắng	Đôi khi không	Không lắng

tranh luận trong nhóm	lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận	IV. Tổng kết 1. Nội dung - Chỉ ra được nội dung cốt lõi của tinh thần thơ mới: cái tôi và nói lên cái bi kịch ngấm ngấm trong hồn người thanh niên hồi bấy giờ. - Đánh giá được thơ mới trong cả ý nghĩa văn chương và xã hội. 2. Nghệ thuật - Kết hợp một cách hài hòa giữa tính khoa học và tính văn chương nghệ thuật. - Luận điểm khoa học, chính xác, mới mẻ; kết cấu và triển khai hệ thống luận

GV chuẩn kiến thức.	điểm cũng như nghệ thuật lập luận rất chặt chẽ, logic. - Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng một cách khéo léo, tài tình có khả năng khơi gợi và tạo sức cuốn hút lớn....
---------------------	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã "gửi tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt". Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý kiến này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV nên dành thời gian cho HS trao đổi ngắn về yêu cầu của đề bài. Có thể nhắc lại một vài ví dụ về việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong một số bài Thơ mới.
- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn. Lưu ý triển khai luận điểm bằng các lí lẽ và bằng chứng minh họa.
- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép).

<https://docs.google.com/forms/d/1Khra4TUUsXMInY-qrxEWgiuL-umx7MISeKiRbYcHBQg/edit>

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric 2.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric 2 (ở nhà)

Rubric 2. Đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	0
Nội dung	Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã "gửi tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt".	
	- Giới thiệu câu nhận định: Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã "gửi tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt."	1
	- Khẳng định quan điểm: Các nhà thơ mới bộc lộ tình yêu nước tha thiết nhưng thâm kín bằng cách gửi qua tình yêu tiếng Việt.	1
	- Chứng minh bằng lí lẽ + bằng chứng:	
	+ Sử dụng tiếng Việt để thể hiện hồn Việt, cảnh Việt, đời sống	2

	Việt.	
	+ Sử dụng tiếng Việt trong trao, thuận hậu.	2
	+ Thể hiện cá tính, sự táo bạo của bản thân qua những bài thơ có phần phóng túng, tự do.	2
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học kết hợp năng lực cá nhân tạo lập các nhóm trao đổi.

b. Nội dung: Hình thành các câu lạc bộ.

c. Sản phẩm: Những sưu tầm của HS về phong trào Thơ mới, về những tác phẩm phê bình văn học về Thơ mới hoặc những bài viết của HS đánh giá về Thơ mới,...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS tạo lập nhóm theo sở thích và năng lực cá nhân để thiết lập câu lạc bộ yêu Thơ mới:
- + Sưu tầm, trao đổi những bài Thơ mới đặc sắc.
- + Sưu tầm trao đổi những bài phân tích, đánh giá Thơ mới.
- + Trao đổi những quan điểm, góc nhìn về Thơ mới.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm (thời gian 1 tuần).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ sản phẩm trên nhóm lớp sau thời gian quy định.
- HS nhận xét phần thể hiện của bạn chéo nhóm, có sự hỗ trợ, định hướng của GV.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài nghị luận cùng chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc. *Tiếp xúc với tác phẩm* (Thái Bá Vân).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

TIẾP XÚC VỚI TÁC PHẨM
(Trích Tiếp xúc với nghệ thuật)
Thái Bá Vân

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản.

- HS nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết, vai trò của các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.

2. Phẩm chất

- Biết nâng niu trân trọng cái đẹp, nghệ thuật; có quan điểm khi tiếp nhận cái đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS xem một bức tranh và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem bức tranh bức tranh: Em Thúy

- HS trả lời các câu hỏi:

+ Anh (chị) cảm nhận như thế nào về bức tranh trên?

+ Anh (chị) suy nghĩ gì về tác giả của bức tranh đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi 3 – 5 HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ **Dự kiến trả lời và dẫn vào bài:** HS thể hiện suy nghĩ cá nhân, từ đó GV dẫn dắt vào bài học

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học, vị trí và tầm ảnh hưởng; thể loại, xuất xứ, chủ đề, phương thức biểu đạt chính, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). - Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác giả. - Xác định: Thể loại, xuất xứ, chủ đề, phương thức biểu đạt chính, bố cục,... của tác phẩm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV chia nhóm yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, thiết kế bản trình chiếu về tác giả Thái Bá Vân và tác phẩm <i>Tiếp xúc với tác phẩm</i> ở nhà. - GV hướng dẫn đại diện HS thuyết trình trước lớp ... Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày nhanh 1 phút về tác giả và tác phẩm. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả Thái Bá Vân - Ông sinh ngày 2/1/1934 tại huyện Đô Lương, Nghệ An. - Ông tốt nghiệp khoa Sử học nghệ thuật, trường Đại học Karlova, Praha, Tiệp Khắc từ 1955 đến 1961, rồi về công tác tại Viện Mỹ thuật Hà Nội khi vừa mới thành lập năm 1962. - Trở lại Tiệp Khắc làm thực tập viên ưu tú của Viện hàn lâm khoa học Slovaki và đại học Mỹ thuật Bratislava trong năm 1985. - Về nước ông công tác tại viện Mỹ thuật Việt Nam cho đến lúc về hưu 1996. Ông mất năm 1999. - Thái Bá Vân viết không nhiều, nhưng những bài viết của ông mang dấu ấn riêng, sâu sắc, độc đáo và độc lập. 2. Tác phẩm - Thể loại: Phê bình nghệ thuật. - Xuất xứ: Theo Thái Bá Vân, <i>Tiếp xúc với nghệ thuật</i> - Viện Mỹ thuật Việt Nam ấn hành, Hà Nội, 1998, tr 8-10. - Chủ đề: Mỹ thuật. - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. - Bố cục: Theo các phần được đánh số trong văn bản.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được nội dung các khái niệm được tác giả sử dụng trong văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- HS nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết, vai trò của các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm			
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS các nhóm đọc và tìm hiểu văn bản, cụ thể: Nhóm 1: Tìm hiểu luận điểm 1. Nội dung các khái niệm đời sống vật thể và đời sống hình tượng được tác giả sử dụng trong văn bản. Nhóm 2: Tìm hiểu luận điểm 2: Vấn đề giá trị chủ quan của tác phẩm Nhóm 3: Tìm hiểu luận điểm 3: Vai trò của người xem, người đọc trong việc giúp hình tượng nghệ thuật trường tồn Nhóm 4: Tìm hiểu cách triển khai các luận điểm. - Sau thảo luận, HS các nhóm lựa chọn đại diện lên tham gia thuyết trình về tính thuyết phục của văn bản <i>Tiếp xúc với tác phẩm</i> . - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu. - GV chọn và tư vấn cho MC dẫn chương trình. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	II. Đọc hiểu văn bản 1. Tính thuyết phục từ hệ thống luận điểm của văn bản Cấu trúc của văn bản:			
	Luận điểm	Lí lẽ	Dẫn chứng	Nghệ thuật lập luận
	Nội dung các khái niệm đời sống vật thể và đời sống hình tượng được tác giả sử dụng trong văn bản	Đời sống vật thể: tồn tại vật thể như một đời sống đồ vật. Đời sống hình tượng: là sự tồn tại tinh thần như một hình tượng nghệ thuật của giá trị thẩm mỹ, thể hiện nội dung của tác phẩm.	Bức tranh <i>Em Thúy</i> là một tấm vải, khổ 45 x 60 cm, rằng nó được vẽ bằng màu dầu, kiểu hội họa bác học châu Âu, rằng nó có khung bằng gỗ,... đó là đồ vật. Ở bức tranh <i>Em Thúy</i> , hiện tượng phân hóa này không xảy ra trên bức tranh. Hiện tượng này xảy ra trong ý thức tôi, ở cái khả năng trừu tượng hóa của đầu óc con người.	Đưa dẫn chứng lên trước, phân tích dẫn chứng sau đó mới nêu các lí lẽ.

HS hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm, kết quả được ghi lại vào giấy A0 và sổ tay đại diện tham gia thuyết trình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm thuyết trình, MC dẫn dắt. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,... Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	Vấn đề giá trị chủ quan của tác phẩm	Không phải ta cứ nhìn vào những gì hiện hữu lên trên tác phẩm thì đó chính là nội dung, ý nghĩa của việc truyền tải; ta phải căn cứ vào thời cuộc, ai là người vẽ, vẽ cái gì và đặc biệt qua đó, ta hiểu được ý nghĩa sâu xa mà tác giả muốn nói với người đọc là gì.	Bức tranh <i>Em Thúy</i> + Ông không biết đó là ai, xấu xí hay xinh đẹp, có giống thật hay không... + Ông chỉ biết tác giả là Trần Văn Cẩn - người đang sống giữa thời cuộc đầy bất ổn khi cái Âu hóa bắt đầu du nhập vào nước ta.	Chọn cách nói phù hợp liên tục, khai thác dẫn chứng trước khi đưa kết luận.
	Vai trò của người xem, người đọc trong việc giúp hình tượng nghệ thuật trường tồn	- Hiện thực và nội dung của tác phẩm còn sinh nở vô hạn trong đầu óc và con mắt người xem. Một tác phẩm hàm súc bao giờ cũng dành cho trí tưởng tượng của người xem một cách tự do hé mở, chờ đợi ở người xem bù đắp sự chủ quan. - Người xem, người đọc giúp hình tượng nghệ thuật trên đó được thức tỉnh, sống lại và sống thêm một cuộc đời mới.	Sức sống của bức tranh <i>Em Thúy</i>	Dùng cách nói hình ảnh, các phép ẩn dụ, nhân hóa để khẳng định vai trò của người xem, người đọc đối với sức sống của nghệ thuật.
	2. Tính thuyết phục trong cách triển khai các luận điểm - Các luận điểm trong văn bản triển khai rõ ràng theo một trật tự logic, các luận điểm có sự liên kết với nhau, có tính định hướng nhằm giải đáp những vấn đề nhận thức và tư			

	tưởng đặt ra trong tác phẩm (quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng). - Các luận điểm đi thẳng vào vấn đề, có tính nghệ thuật, hợp tình hợp lí.
--	--

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung: Văn bản đề cập đến vấn đề tiếp xúc tác phẩm nghệ thuật thông qua bức tranh <i>Em Thúy</i> của Trần Văn Cẩn. Từ đó, tác giả gợi mở cho người đọc cách tiếp cận một tác phẩm nghệ thuật, đồng thời khẳng định tình yêu nghệ thuật của nhà phê bình mỹ thuật. 2. Nghệ thuật: - Cách nói chân thực, ngôn từ giản dị, gần gũi, dễ hiểu - Sử dụng kết hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm - Các biện pháp tu từ sử dụng đem lại hiệu quả cao - Kết hợp khéo léo các kiểu câu: câu hỏi, câu cảm thán, câu phủ định

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150) chữ bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một luận điểm trong văn bản *Tiếp xúc với tác phẩm*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS viết đoạn văn ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả bài làm vào tiết dạy chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Giáo viên hướng dẫn để HS thực hiện bài tập ở nhà.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS đánh giá được một tác phẩm nghệ thuật.
- b. Nội dung:** HS lựa chọn một tác phẩm nghệ thuật, thể hiện những suy nghĩ, đánh giá của bản thân.
- c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS viết bài phân tích, đánh giá một tác phẩm nghệ thuật.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS xung phong đọc bài viết
- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các viết cùng chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (Tiếp theo).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 31

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT (TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS hiểu được sự cần thiết của việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết để tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).

- HS nắm vững hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả của cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

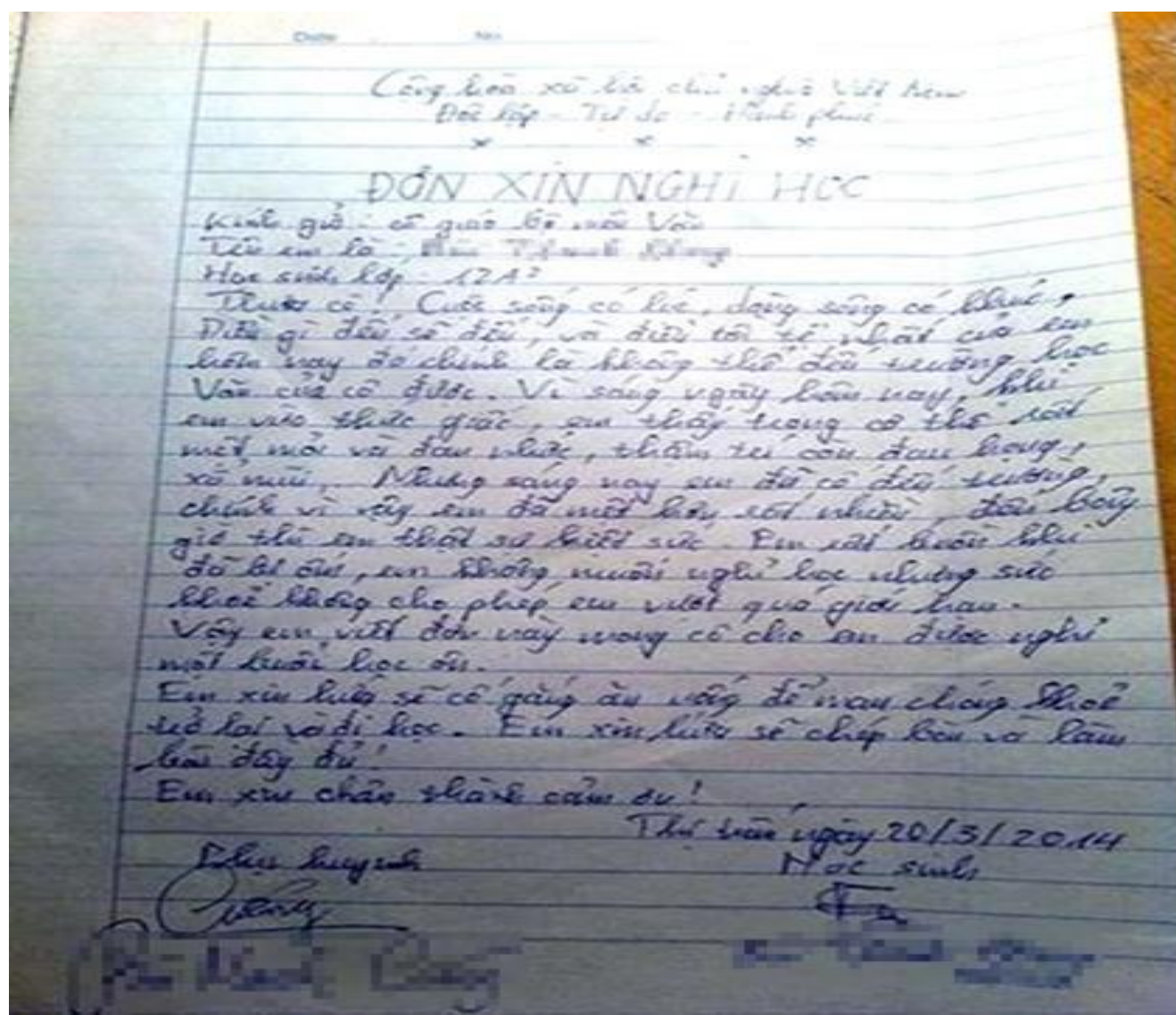
- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.

- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động



Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: GV hướng dẫn HS xem hình ảnh lá đơn xin nghỉ học (ở trên). Nhiệm vụ 2: HS thực hiện các yêu cầu: - Hình ảnh trên cho em hiểu điều gì? - Đây là yếu tố gây cười khi em đọc lá đơn nghỉ học đó? - Nếu rơi vào tình thế phải nghỉ học, em sẽ viết đơn như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi thảo luận cặp đôi tìm từ và suy nghĩ cá nhân bày tỏ quan điểm về những hình ảnh vừa quan sát. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS tham gia trả lời câu hỏi nhanh. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: <i>Trong thực tế, hiện tượng lạc phong cách (dùng lẫn các yếu tố ngôn ngữ nói vào văn bản viết hoặc sử dụng các yếu tố đặc trưng của ngôn ngữ viết vào nói năng hằng ngày rất phổ biến. Bài 1, chúng ta đã hiểu được khái niệm và đặc trưng của từng dạng ngôn ngữ. Bài học này, qua việc thực hành sẽ giúp chúng ta củng cố thêm kiến thức cơ bản, biết phân biệt hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết - một biểu hiện sáng tạo trong ngôn ngữ văn xuôi.</i>	- Hình ảnh trên là một lá đơn xin nghỉ học. - Tình thế của người viết lá đơn: ốm -> có đi học -> mệt thêm -> buộc phải xin phép nghỉ học. - Yếu tố gây cười: ngôn ngữ nói, cảm xúc cá nhân,... không phù hợp với một lá đơn (ngôn ngữ nói: thưa cô, lí do nghỉ học chỉ cần ghi ốm là đủ nhưng lại kể lể dài dòng như một câu chuyện tán gẫu, tự do trong sinh hoạt hàng ngày,...) - HS tự do trả lời theo suy nghĩ của cá nhân về việc sẽ viết đơn xin nghỉ học nếu rơi vào tình thế phải nghỉ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được sự cần thiết của việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết để tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).
- HS nắm vững hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả của cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi tham gia trò chơi *Ai nhanh ai đúng?* để nhận diện được một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường và vận dụng làm bài tập SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Phân biệt hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ	I. Phân biệt hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết - Hiện tượng lạc phong cách: HS lẫn lộn

GV viên chia lớp thành 2 nhóm. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi: Bước 1: Thảo luận nhóm Nhóm 1: Tìm hiểu những ngữ liệu lạc phong cách (GV tìm nguồn ngữ liệu từ chính bài viết của HS). Nhóm 2: Tìm hiểu những ngữ liệu mang tính sáng tạo của nhà văn khi sử dụng cộng hưởng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Bước 2: Trao đổi cặp Mỗi thành viên nhóm 1 kết hợp với 1 thành viên nhóm 2 trao đổi cặp hoàn thành bảng (Bảng 1).			giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. - Hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết – một biểu hiện sáng tạo trong ngôn ngữ văn xuôi: + Hiện tượng lời nửa trực tiếp trong ngôn ngữ kể chuyện. + Lời độc thoại nội tâm. + Lời nhại.		
Ngữ liệu	Chí Phèo là truyện ngắn đỉnh nhất của Nam Cao. Tác phẩm đã miêu tả quá ư chân thực tâm lí của người nông dân trong xã hội cũ.	Bà lão pháp phồng bước theo con vào nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà? Ai thế nhỉ?	Ngữ liệu	Chí Phèo là truyện ngắn đỉnh nhất của Nam Cao. Tác phẩm đã miêu tả quá ư chân thực tâm lí của người nông dân trong xã hội cũ.	Bà lão pháp phồng bước theo con vào nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà? Ai thế nhỉ?
Nguồn			Nguồn	Bài viết của HS	Trích <i>Vợ nhặt</i> – Kim Lân
Giống nhau			Giống nhau	Kết hợp ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	
Khác nhau			Khác nhau	Dùng các khẩu ngữ trong văn viết	Tái tạo, mô phỏng ngôn ngữ nói bằng ngôn ngữ viết: câu văn mang hình thức nửa trực tiếp (kể chuyện nương theo ý thức nhân vật, tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật)
Các đội có thời gian tối đa 3 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS.			II. Thực hành sử dụng ngữ nói và ngôn ngữ viết		

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn sản phẩm của một số nhóm trình bày trước lớp.
- HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét hoàn thiện sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Thực hành sử dụng ngữ nói và ngôn ngữ viết

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV viên chia lớp thành 4 nhóm.

GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm.

Bước 1: Thảo luận nhóm

Nhóm 1: Vạch lá tìm sâu.

Hãy tìm trong các bài viết của mình hoặc bạn bè một số trường hợp diễn đạt "giống văn nói" và đề xuất cách chỉnh sửa.

Bảng 2

Nguồn	Ngữ liệu	Lỗi	Đề xuất cách sửa

Nhóm 2: Một truyện.

Tìm trong văn bản *Chí Phèo* những đoạn có sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Có thể thực hành theo bảng.

Bảng 3

Loại ngữ liệu chứa sự cộng hưởng nói – viết.	Ngữ liệu	Những câu hỏi, câu cảm thán được dùng xen ở các đoạn trên.	Chủ thể phát ngôn của lời kể và của những lời nói của nhân vật nào đó xen vào.	Sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ giữa lời kể và những lời nói của nhân vật nào đó xen vào.
Lời nửa trực tiếp				

1. Bài tập 1

- **Ngữ liệu:** Trong bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận, tình yêu thiên nhiên chắc chắn có dính líu đến lòng yêu nước.

+ **Lỗi lạc phong cách:** Câu này lẽ ra phải thể hiện đặc trưng của ngôn ngữ viết. Tuy nhiên, ở đây, người viết đã sử dụng cụm từ “chắc chắn có dính líu” nên câu văn bị lạc phong cách (viết như nói).

+ **Sửa lại:** Trong bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận, tình yêu thiên nhiên cũng là một biểu hiện của lòng yêu nước.

2. Bài tập 2

- Gợi ý một số đoạn:

+ Từ “Hắn vừa đi vừa chửi!” đến “cả làng Vũ Đại cũng không ai biết..” trong SGK Ngữ văn 11, tập một, tr. 23.

+ Từ “Nhưng bây giờ thì hắn tỉnh” đến “Chao ôi là buồn!” trong SGK Ngữ văn 11, tập một, tr. 27.

3. Bài tập 3, 4

- Phim làng *Vũ Đại* ngày ấy.

- Phim *Vợ chồng A Phủ*.

- Phim *Số đỏ*.

4. Bài tập 5: Ưu thế, hạn chế của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết	Nhận xét
Sự tiện lợi trong sử dụng.	Ngôn ngữ nói được thực hiện nhờ các bộ phận phát âm của chính cơ thể con người;	Ngôn ngữ viết cần các phương tiện phụ trợ như bút, giấy, máy vi tính, máy điện thoại,...	Như vậy, ở khía cạnh này, ngôn ngữ nói ưu thế hơn ngôn ngữ viết.
Thời gian tác	Ngôn ngữ nói thường	Trong khi ngôn ngữ viết	Ở khía cạnh này,

Độc thoại nội tâm					động đến đối tượng tiếp nhận.	gắn với sự hiện diện của người nói và người nghe. Điều này khiến cho việc tiếp nhận thông tin của người nghe diễn ra tức thì;	phải có thời gian cho người đọc tiếp nhận và thời gian phản hồi.	ngôn ngữ viết không có ưu thế bằng ngôn ngữ nói.
Lời nhại					Khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin.	Người phát và người nhận thông tin trao đổi trực tiếp.	Người phát và người nhận thông tin trao đổi gián tiếp qua trang sách.	Ưu thế tùy thuộc vào văn cảnh.
Nhóm 3: Một phim - Chọn một cảnh có hội thoại trong một bộ phim hoặc một chương trình trên truyền hình và nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong cảnh này. Từ đó, hãy đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói ở ví dụ mà bạn đã chọn. - Thể hiện nội dung của hội thoại được chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết và nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.					Dung lượng thông tin được truyền đạt.	Ngôn ngữ nói chỉ có thể truyền đạt một lượng thông tin hạn chế.	Trong khi lượng thông tin được truyền đạt bằng ngôn ngữ viết là rất lớn, ví dụ bộ sử thi hàng chục ngàn câu thơ, bộ tiểu thuyết	Ở khía cạnh này, ngôn ngữ viết có ưu thế vượt trội so với ngôn ngữ nói.
Nhóm 4: Chuyên gia Phân tích những ưu thế và giới hạn của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.								

Bảng 4

Bộ phim.		
Đoạn hội thoại trong phim.		
Nội dung đoạn hội thoại.		
Nhân vật tham gia đoạn hội thoại.		
Hiệu quả đối thoại của các nhân vật.		
Sự khác biệt giữa đoạn hội thoại với đoạn văn viết lại nội dung hội thoại.	Sự khác biệt về hình thức được ghi thành văn bản và đoạn hội thoại trong phim.	
	Sự khác biệt về đặc điểm từ ngữ, câu và các phương tiện biểu hiện tình thái giữa đoạn hội thoại và đoạn văn viết.	
	Sự khác biệt về việc truyền đạt nội dung thông tin ở đoạn hội thoại và đoạn văn viết.	

Bảng 5

Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết	Nhận xét			hàng ngàn trang,...	
Sự tiện lợi trong sử dụng.				Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian.	Ngôn ngữ nói chỉ có thể truyền đạt thông tin trong không gian hạn chế,	Ngôn ngữ viết có khả năng truyền đạt thông tin không giới hạn.	Ở khía cạnh này, ngôn ngữ viết có ưu thế vượt trội so với ngôn ngữ nói.
Thời gian tác động đến đối tượng tiếp nhận.				Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian.	Ngôn ngữ nói chỉ có thể lưu giữ thông tin trong thời gian tức thì, hoặc trong ký ức con người (không hoàn toàn chính xác).	Ngôn ngữ viết có thể lưu giữ thông tin trong thời gian vô hạn.	Ở khía cạnh này, ngôn ngữ viết có ưu thế vượt trội so với ngôn ngữ nói.
Khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin.				Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian.			
Dung lượng thông tin được truyền đạt.							
Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian.							
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian.							
Bước 2: Thuyết trình sản phẩm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện thuyết trình sản phẩm - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét hoàn thiện sản phẩm Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức							

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề trong thực tế:

- Vận dụng sự hiểu biết về đặc điểm ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết để không mắc lỗi trong lời ăn tiếng nói hàng ngày.
- Vận dụng sự hiểu biết về đặc điểm ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết trong thực hành viết văn để đạt hiệu quả cao nhất.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm các ngữ liệu lạc phong cách trong đời sống, trong các bài văn của chính mình, của mọi người.

- HS tìm các ngữ liệu cộng hưởng ngôn ngữ nói và viết trong văn học.
- Thành lập CLB ngôn ngữ.
- Trao đổi các kỹ năng giao tiếp.

c. Sản phẩm:

- Sổ tay giao tiếp, sổ tay văn học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Về nhà) Nhóm 1: Tạo sổ tay giao tiếp (bằng cách sưu tầm và ghi lại tình trạng lạc phong cách trong lời ăn tiếng nói hàng ngày). Nhóm 2: Tạo sổ tay văn học (bằng cách tìm các ngữ liệu văn học chứa sự cộng hưởng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm) Các nhóm trao đổi, thu thập thông tin, suy nghĩ hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm theo từng tuần hoặc tạo sổ tay điện tử cập nhật hằng ngày có sự chọn lọc và kiểm duyệt sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS.	Sản phẩm thực tế của các nhóm được cập nhật theo quy định (theo ngày hoặc theo tuần).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI
(Con người với cuộc sống xung quanh)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận có nội dung đề cập những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thường nhật; có ý thức rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

Thực hành viết

- Từ định hướng trên, HS biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề, đáp ứng yêu cầu đối với kiểu bài được nêu trong SGK.

2. Phẩm chất

- Có ý thức rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS tìm hiểu điểm tin trên một số đầu báo, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu điểm tin trên một số đầu báo Dantri.com, Vnexpress.net, Vietnamnet, điểm tin theo chủ đề: <i>Các vấn đề xã hội mà giới trẻ quan tâm</i> trên Youtube.com. - Học sinh quan sát các thông tin và trả lời câu hỏi: Em quan tâm thông tin nào nhiều hơn cả, quan điểm của em về điều đó?	- HS lựa chọn vấn đề xã hội. - HS thể hiện quan điểm cá nhân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh quan sát điểm tin, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Mỗi giây, mỗi phút, mỗi giờ, mỗi ngày có biết bao tin tức về những vấn đề xã hội đáng để giới trẻ quan tâm. Vậy, bạn quan tâm đến vấn đề nào nhất, nếu viết về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh), bạn sẽ viết như thế nào? Hãy bắt đầu bài học ngày hôm nay:	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận có nội dung đề cập những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thường nhật; có ý thức rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh) trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội đã học ở CT lớp 10.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
	Lớp 10	Lớp 11
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/91 và thảo luận về các vấn đề: Câu 1: Một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh) cần đáp ứng những yêu cầu gì? Câu 2: Những yêu cầu này có điểm gì chung và riêng so với những yêu cầu trong một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội em đã học ở lớp 10?	- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận. - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận. - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ. - Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản. - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.	- Nêu được vấn đề đáng quan tâm của đời sống thường nhật để bàn luận, - Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; - Sử dụng được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ; - Đưa ra được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận và có lí lẽ phản bác nhằm tăng sức thuyết phục cho bài viết; - Rút ra được ý nghĩa của vấn đề

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	đối với bản thân. => Như vậy: + Tiếp nối với các bài thực hành viết văn bản nghị luận ở các lớp dưới, để viết bài văn nghị luận đề cập đến đối tượng là con người với đời sống xung quanh, HS cần rèn luyện các kỹ năng: triển khai bài nghị luận một cách chặt chẽ, nêu rõ luận đề, trình bày có hệ thống các luận điểm, từng luận điểm đều được triển khai bằng các lí lẽ chắc chắn và bằng chứng xác thực, đáng tin cậy. + Ở lớp 11, yêu cầu đối với dạng bài cao hơn khi HS phải đưa ra được những ý kiến trái chiều, lí lẽ phản bác và ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân.
--	---

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách triển khai vấn đề của bài viết.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 91,92 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS đọc kĩ bài viết tham khảo (có thể tổ chức đọc theo nhóm đôi), tóm lược từng phần của bài viết, chú ý những thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản để nhận biết được cách triển khai vấn đề của bài viết. - Hoàn thành Phiếu học tập đọc và phân tích bài viết tham khảo: <table border="1" data-bbox="151 1608 1101 1953"> <tr> <td>Vấn đề đời sống mà bài viết tập trung bàn luận.</td><td></td></tr> <tr> <td>Các luận điểm được triển khai.</td><td></td></tr> <tr> <td>Mối quan hệ giữa các luận điểm.</td><td></td></tr> <tr> <td>Những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng khi triển khai từng luận điểm.</td><td></td></tr> <tr> <td>Điều bạn muốn bổ sung cho bài viết.</td><td></td></tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo. - HS trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	Vấn đề đời sống mà bài viết tập trung bàn luận.		Các luận điểm được triển khai.		Mối quan hệ giữa các luận điểm.		Những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng khi triển khai từng luận điểm.		Điều bạn muốn bổ sung cho bài viết.		Bài viết tham khảo: <i>Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống – Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa.</i> (Xem Phiếu học tập đọc và phân tích bài viết tham khảo bên dưới)
Vấn đề đời sống mà bài viết tập trung bàn luận.											
Các luận điểm được triển khai.											
Mối quan hệ giữa các luận điểm.											
Những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng khi triển khai từng luận điểm.											
Điều bạn muốn bổ sung cho bài viết.											

- HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức bằng gợi ý phiếu học tập ở dưới. - HS có thể học tập kỹ năng diễn đạt và trình bày ở bài viết tham khảo để viết kiểu bài nghị luận tương tự.	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

Vấn đề đời sống mà bài viết tập trung bàn luận.	Đó là việc trong đời sống thường nhật, con người cần biết lắng nghe “những tiếng thì thầm”, đó là những tiếng nói, tiếng lòng thầm kín của con người và cả thế giới tự nhiên mà cần đến sự chủ động, tinh tế từ phía người nghe khi tiếp nhận những thanh âm đó.
Các luận điểm được triển khai.	- LD1: Bàn về nghĩa của từ “lắng nghe”. - LD2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn vui của con người với những bằng chứng thực tế. - LD3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm. - LD4: Phản bác ý kiến trái chiều. - LD5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe.
Mối quan hệ giữa các luận điểm.	Các luận điểm trên có mối quan hệ mật thiết, bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong việc làm sáng tỏ vấn đề mà bài viết bàn luận.
Những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng khi triển khai từng luận điểm. Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Thông qua vấn đề nghị luận HS phải rút ra được lối sống tích cực, luôn biết lắng nghe, thấu hiểu và đồng cảm với mọi việc xung	- LD1: Bàn về nghĩa của từ “lắng nghe” + Lí lẽ: Chỉ khi lắng nghe, chúng ta mới nhận ra được những tiếng thì thầm, khẽ khàng hay những âm thanh không lời... lắng nghe có nghĩa là thấu hiểu, đồng cảm. + Bằng chứng: Biết lắng nghe là khả năng chia sẻ với những suy nghĩ, tâm tư, ước vọng của người khác hoặc biết hòa điệu với thế giới xung quanh. - LD2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn vui của con người với những bằng chứng thực tế. + Lí lẽ: Khi lắng nghe tiếng nói từ cuộc sống hàng ngày của con người, ta sẽ nhận thấy có những tiếng nói chỉ “thì thầm” thôi mà ẩn chứa bao nỗi niềm, bao cung bậc tình cảm. + Bằng chứng: Tâm sự của một em bé đang nằm trên giường bệnh về ước mơ được tiếp tục đến trường; tiếng thở dài của những người nông dân; nỗi mong mỏi được về quê sum họp dâng lên trong ánh mắt của những người lao động nghèo... + Lí lẽ: Biết lắng nghe, ta biết xúc động, cùng vui cùng buồn với từng cảnh ngộ + Bằng chứng: Vui mừng khi nghe tin em bé mười tám tháng tuổi được cứu sống trên biển Thổ Nhĩ Kỳ; đau buồn khi nghe những lời nói trong tiếng nấc nghẹn ngào của thân nhân những hành khách... - LD3: Bàn luận về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên trải nghiệm + Lí lẽ: Sẽ là đơn giản hơn nếu nghĩ rằng trong cuộc sống này, chỉ con người mới cất lên tiếng nói.

quanh	+ Bằng chứng: Thiên nhiên quanh ta cũng có tiếng nói riêng của nó; tiếng lá rơi; tiếng giọt sương lăn trên tàu tiêu... tiếng thở dài bất lực của rừng cây, tiếng lá xạc xào run rẩy, tiếng kêu khe khẽ đầy sợ hãi của loài thú hoang... - LD4: Phản bác ý kiến trái chiều + Lí lẽ: Bạn cũng có quyền chọn cách sống bỏ qua những tiếng thì thầm ấy để tránh phiền toái, không phải lo nghĩ về những việc không liên quan. + Bằng chứng: Chẳng còn những ánh mắt chia sẻ, những bàn tay đan kết, những cử chỉ dịu dàng gửi chút tấm lòng “để gió cuốn đi”. - LD5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe + Lí lẽ: Lắng nghe là để hiểu, để hành động và hướng tới những điều tốt đẹp. + Bằng chứng: Giúp chúng ta biết cảm nhận chân thực và trân quý hơn những giá trị sống quanh mình; lắng nghe từng tiếng tích tắc đồng hồ trên vách, ta sẽ hiểu thời gian đang thì thầm nhắc mình về tuổi trẻ đang qua, về những khát vọng còn dang dở...
Điều bạn muốn bổ sung cho bài viết.	- Làm thế nào để có thể lắng nghe? - Bài học khi liên hệ cá nhân.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Chuẩn bị viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS có thể chủ động lựa chọn vấn đề mình đã trải nghiệm và có nhiều suy ngẫm; có thể chọn vấn đề được gợi ý trong SGK hoặc vấn đề cá nhân thấy quan tâm và có ý nghĩa. - GV có thể gợi ý để HS chọn vấn đề: Những vấn đề gì diễn ra trong nhà trường, gia đình và môi trường xung quanh thường khiến em có trăn trở, suy nghĩ. Hãy phát biểu vấn đề đó bằng một mệnh đề (thể hiện “tình huống có vấn đề”) như những vấn đề được gợi ý trong SGK.	1. Chuẩn bị viết: Một số đề tài gợi ý: - Về một hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở địa phương mà em đã tham gia - Vai trò của cách tổ chức cuộc sống cá nhân với việc hoàn thiện nhân cách - Tìm hiểu mối liên hệ giữa việc tiếp thu ý kiến của người khác và tính tự chủ bản thân - Ý nghĩa của việc phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội - Nghiện mạng xã hội - Người trẻ hiện đại thiếu đề kháng với áp lực xã hội - Trào lưu sống ảo - Giới trẻ với lối sống khép kín sợ giao tiếp xã

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần trình bày của HS. * Tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm ý theo phiếu tìm ý (cột bên) - GV yêu cầu HS dự kiến cả những lí lẽ và bằng chứng. <u>Lưu ý:</u> + Bằng chứng: Nên lựa chọn những bằng chứng sát hợp, tiêu biểu, có ý nghĩa để tăng sức thuyết phục (bằng chứng được thu thập thông qua quan sát, trải nghiệm trực tiếp của cá nhân hoặc bằng chứng được khai thác từ sách báo và các phương tiện truyền thông. Cần lưu ý đặc biệt những bằng chứng gần gũi, thiết thực.) + Lí lẽ: Cần có cách tiếp cận vấn đề từ những góc nhìn khác nhau, từ đó đưa ra cùng lúc cả lí lẽ mang tính khẳng định và lí lẽ phản bác các quan điểm trái chiều. - Hướng dẫn HS lập dàn ý theo phiếu Lập dàn ý (cột bên) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS. * Viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn. GV lưu ý:	hội - Làm gì khi giới trẻ xa rời văn hóa truyền thống? ... 2. Tìm ý, lập dàn ý: <table><tr><th colspan="3">Phiếu tìm ý</th></tr><tr><th>Các ý cần tìm</th><th>Yêu cầu cụ thể</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr><tr><td>Giới thiệu vấn đề nghị luận</td><td>Vấn đề chính sẽ bàn trong bài viết là gì? Vấn đề đó được xã hội quan tâm như thế nào?</td><td></td></tr><tr><td>Bàn bạc về vấn đề nghị luận</td><td>- Vấn đề đó được hiểu như thế nào? - Biểu hiện của vấn đề đó trong cuộc sống là gì? Vấn đề đó có ý nghĩa gì? - Thực trạng của vấn đề hiện nay và nguyên nhân của nó là gì?</td><td></td></tr><tr><td>Mở rộng vấn đề</td><td>- Cần làm gì để phát huy yếu tố tích cực của vấn đề? - Vấn đề đó có tác động thế nào đối với cá nhân?</td><td></td></tr></table> <table><tr><th colspan="2">Phiếu Lập dàn ý</th></tr><tr><th>Hướng dẫn</th><th>Thực hành</th></tr><tr><td>1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết.</td><td></td></tr><tr><td>2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.</td><td></td></tr><tr><td>3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,... - Thân bài: Cần triển khai các ý: + Trình bày bản chất của vấn đề đời</td><td></td></tr></table>	Phiếu tìm ý			Các ý cần tìm	Yêu cầu cụ thể	Kết quả thảo luận	Giới thiệu vấn đề nghị luận	Vấn đề chính sẽ bàn trong bài viết là gì? Vấn đề đó được xã hội quan tâm như thế nào?		Bàn bạc về vấn đề nghị luận	- Vấn đề đó được hiểu như thế nào? - Biểu hiện của vấn đề đó trong cuộc sống là gì? Vấn đề đó có ý nghĩa gì? - Thực trạng của vấn đề hiện nay và nguyên nhân của nó là gì?		Mở rộng vấn đề	- Cần làm gì để phát huy yếu tố tích cực của vấn đề? - Vấn đề đó có tác động thế nào đối với cá nhân?		Phiếu Lập dàn ý		Hướng dẫn	Thực hành	1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết.		2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.		3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,... - Thân bài: Cần triển khai các ý: + Trình bày bản chất của vấn đề đời	
Phiếu tìm ý																										
Các ý cần tìm	Yêu cầu cụ thể	Kết quả thảo luận																								
Giới thiệu vấn đề nghị luận	Vấn đề chính sẽ bàn trong bài viết là gì? Vấn đề đó được xã hội quan tâm như thế nào?																									
Bàn bạc về vấn đề nghị luận	- Vấn đề đó được hiểu như thế nào? - Biểu hiện của vấn đề đó trong cuộc sống là gì? Vấn đề đó có ý nghĩa gì? - Thực trạng của vấn đề hiện nay và nguyên nhân của nó là gì?																									
Mở rộng vấn đề	- Cần làm gì để phát huy yếu tố tích cực của vấn đề? - Vấn đề đó có tác động thế nào đối với cá nhân?																									
Phiếu Lập dàn ý																										
Hướng dẫn	Thực hành																									
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết.																										
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.																										
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,... - Thân bài: Cần triển khai các ý: + Trình bày bản chất của vấn đề đời																										

- Hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để triển khai bài viết + HS viết bài theo bố cục ba phần được gợi ý trong SGK. + HS có thể viết bài trên lớp hoặc ở nhà. GV lưu ý HS cần viết bằng suy nghĩ và ngôn ngữ của cá nhân, tránh sao chép. - Sau khi viết, HS cần đọc lại, chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo hướng dẫn của GV. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Cá nhân HS viết bài. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài - GV nhận xét chung về tình hình làm bài của HS trong lớp, những ưu điểm và nhược điểm phổ biến (về việc lựa chọn và triển khai vấn đề; về kỹ năng viết bài nghị luận theo yêu cầu cụ thể; về cách trình bày, diễn đạt;...). - GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric đánh giá bài viết (bên dưới). - GV trả bài cho HS, yêu cầu các em xem kỹ nhận xét của GV trong bài, dựa vào bảng hướng dẫn để sửa viết (thực hiện ở nhà). Cho HS đọc chéo bài của nhau để trao đổi về những ưu điểm và nhược điểm của bài viết.	sống được bàn luận và nêu quan điểm của người viết (lí lẽ và bằng chứng). + Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề viết (lí lẽ và bằng chứng). + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (lí lẽ và bằng chứng). + Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng (lí lẽ và bằng chứng). - Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,...)	
---	---	--

3. Viết:

Đề bài: Tục ngữ Châu Phi có câu:

“Mỗi buổi sáng ở châu Phi, con linh dương thức dậy, nó biết phải chạy nhanh hơn con sư tử chạy nhanh nhất nếu không nó bị giết.

Mỗi buổi sáng con sư tử thức dậy, nó biết phải chạy vượt con linh dương chạy chậm nhất hoặc nó chết đói.

Không thành vấn đề bạn là sư tử hay linh dương, khi mặt trời lên, tốt hơn bạn bắt đầu chạy.”

Từ câu tục ngữ trên, anh/ chị hãy suy nghĩ về thái độ sống của thanh niên thời hiện đại.

(Tham khảo dàn ý bên dưới.)

DÀN Ý THAM KHẢO:

Từ câu tục ngữ Châu Phi, suy nghĩ về thái độ sống của thanh niên thời hiện đại.

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận: Từ câu tục ngữ Châu Phi nghĩ về thái độ sống của thanh niên thời hiện đại.

2. Thân bài: Cần triển khai các ý:

- **Bản chất của vấn đề và quan điểm của người viết:**

+ Con linh dương và con sư tử phải chạy theo bản năng sinh tồn của loài. Nếu không chạy, chúng sẽ bị ăn thịt hoặc chết đói.

+ Con người cũng cần phải chạy:

++ Nghĩa đen: Chỉ hoạt động của đôi chân.

++ Nghĩa bóng: Con người luôn phải sống, hoạt động, học tập, làm việc để tồn tại.

- . Chạy là sống khẩn trương có ý nghĩa, tận hưởng vẻ đẹp của cuộc sống từng giây, từng phút.
- . Chạy còn là tiến kịp với nhịp sống mau lẹ, sự thay đổi trong từng giây, từng phút của thế giới. Nếu không, sẽ bị bỏ lại phía sau, tụt hậu so với mọi người và xã hội.
- . Chạy là để có thêm cơ hội khám phá những giá trị mới mẻ của cuộc sống, tiếp thu những tri thức mới để có thể thích ứng với sự thay đổi của thời đại.

+ Quan điểm của người viết: Câu tục ngữ nói lên một vấn đề sống còn với con người thời hiện đại. Nếu muốn tồn tại, phát triển trong xã hội không ngừng vận động thì con người không được đứng yên, ngủ quên mà phải sống, học tập và làm việc hết mình, luôn mở mang tri thức để theo kịp thời đại.

- Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề viết

+ Cuộc sống luôn vận động không ngừng. Vì vậy, con người không thể trì trệ, lãng phí thời gian mà phải luôn có tốc độ sống tích cực thì mới có thể bắt kịp với sự thay đổi của thế giới.

+ Đối với thế hệ trẻ, không thể thiếu tri thức trong hành trang bước vào thế kỉ mới bởi chính mình sẽ quyết định tương lai của mình và cả tương lai của người xung quanh, cả cộng đồng, xã hội.

+ Dẫn chứng: Những tấm gương như Lê Quang Liêm, Ngô Bảo Châu,...

- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:

+ Chạy không những là đuổi theo một cách vô thức mà là hướng theo những lí tưởng, ước mơ, những mục tiêu cao đẹp.

+ Để sống, con người phải ăn thịt con linh dương nhưng con người không thể vì hạnh phúc, quyền lợi, mục đích của mình mà giẫm đạp lên những kẻ yếu thế. Ngược lại phải giúp người khác chạy đua với mình để họ cùng cố gắng tiến bộ.

+ Dù chạy để theo kịp thời đại nhưng cũng có lúc trong hành trình mệt mỏi đi tìm ước mơ, con người cũng phải biết dừng lại để tâm hồn tĩnh lặng và không ngoái lại phía sau để cảm nhận được hạnh phúc đang có, trong những gì tốt đẹp có giá trị khác mà mình đang sở hữu. Suy cho cùng, chạy cũng là để sống tốt hơn.

+ Phê phán lối sống trì trệ, lãng phí thời gian, sa vào tệ nạn xã hội, vô trách nhiệm, bỏ bê chính mình...

- Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng:

+ Để có thể có đủ sức “chạy”, chúng ta cần chuẩn bị hành trang thật vững chắc về tri thức, sức khỏe, bản lĩnh,...

+ Bản thân luôn luôn phải nỗ lực phấn đấu, học tập, sống tích cực.

3. Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề.

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự

	bày chưa mạch lạc. Mặc nhiều lỗi chính tả.	sạch đẹp. Mặc ít lỗi chính tả.	logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận về *mối liên hệ giữa việc tiếp thu ý kiến của người khác và tính tự chủ bản thân*.

- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận; trình bày được ý kiến của bản thân về vấn đề; rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

- Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác đối với một vấn đề xã hội cụ thể.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem review phim, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip. https://www.youtube.com/watch?v=u-1AZLYm4BU&t=1094s	HS thể hiện quan điểm cá nhân.

(18:30 – 22:18) HS trả lời câu hỏi: Em có bị thuyết phục bởi những phát biểu của các nhân vật trong Clip không? Tại sao em bị thuyết phục? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe: **Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.**
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe: **Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.**
- c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình đúng yêu cầu và quy trình.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* CHUẨN BỊ 1. NGƯỜI NÓI a. Yêu cầu Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói ở nhà (tìm ý, lập dàn ý cho bài nói theo đề tài đã chọn; tìm thêm tư liệu, bằng chứng để sử dụng khi cần;...). - Vào tiết học, GV kiểm tra nhanh nội dung chuẩn bị của HS, đặc biệt là những em được chỉ định trình bày bài nói; nhắc lại yêu cầu của kiểu bài nói sẽ thực hiện trong tiết học để HS chú ý. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu	I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE 1. Người nói a. Yêu cầu - Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận. - Làm rõ được bản chất và vai trò của vấn đề trong đời sống xã hội. - Trình bày được ý kiến đánh giá, bình luận của cá nhân về vấn đề; biết phân tích, đánh giá ý kiến của người khác. - Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề. - Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác đối với vấn đề cần bàn luận. b. Quy trình thuyết trình - Lựa chọn đề tài: Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó, chẳng hạn: - Về một hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở địa phương mà em đã tham gia. - Vai trò của cách tổ chức cuộc sống cá nhân với việc hoàn thiện nhân cách. - Tìm hiểu mối liên hệ giữa việc tiếp thu ý kiến của người khác và tính tự chủ bản thân. - Ý nghĩa của việc phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội.

b. Quy trình thuyết trình Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nói cần thực hiện. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và thảo luận nhóm (2 bàn) ghi ra giấy quy trình. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu. 2. NGƯỜI NGHE Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Theo em, người nghe cần chuẩn bị những gì khi nghe bài: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân ghi ra giấy theo suy nghĩ của mình. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi HS trình bày 1 phút kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu.	- Nghiện mạng xã hội. - Người trẻ hiện đại thiếu đề kháng với áp lực xã hội. - Trào lưu sống ảo. - Giới trẻ với lối sống khép kín sợ giao tiếp xã hội. - Làm gì khi giới trẻ xa rời văn hóa truyền thống? - Hiến máu nhân đạo. - Du học. - Học đại học có phải con đường duy nhất để thành công,... - Tìm ý và sắp xếp ý + Tìm ý: <table><tr><th>STT</th><th>Các ý cần tìm</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr><tr><td>1</td><td>Vấn đề thuyết trình.</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Mức độ quan tâm của xã hội đối với vấn đề.</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Bản chất của vấn đề.</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Các khía cạnh của vấn đề.</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Những ý kiến trái chiều về vấn đề.</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Tác động của việc nghị luận về vấn đề đối với bản thân và xã hội.</td><td></td></tr></table> + Sắp xếp ý: theo trật tự Mở đầu – Triển khai– Kết luận 2. Người nghe -Tìm hiểu trước về nội dung của bài. - Chuẩn bị các tài liệu, câu hỏi liên quan để nghe và phản hồi. - Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng.	STT	Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận	1	Vấn đề thuyết trình.		2	Mức độ quan tâm của xã hội đối với vấn đề.		3	Bản chất của vấn đề.		4	Các khía cạnh của vấn đề.		5	Những ý kiến trái chiều về vấn đề.		6	Tác động của việc nghị luận về vấn đề đối với bản thân và xã hội.	
STT	Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận																				
1	Vấn đề thuyết trình.																					
2	Mức độ quan tâm của xã hội đối với vấn đề.																					
3	Bản chất của vấn đề.																					
4	Các khía cạnh của vấn đề.																					
5	Những ý kiến trái chiều về vấn đề.																					
6	Tác động của việc nghị luận về vấn đề đối với bản thân và xã hội.																					

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe.

b. Nội dung: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Thực hành nói - GV lần lượt yêu cầu từng HS đã được giao nhiệm vụ lên trình bày bài nói (đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội). Ấn định trước về thời gian cho mỗi lượt trình bày để HS chủ động thu xếp. Mỗi người trình bày có thể đi vào	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI 1. Thực hành nói - Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu - Triển khai - Kết luận.

đề tài riêng, không trùng lặp. GV yêu cầu HS trong tư cách người nghe chú ý theo dõi bài nói, ghi chép nhanh những ý kiến nảy sinh để trao đổi sau đó. - Trước một vấn đề xã hội, ý kiến đánh giá, bình luận của mọi người thường khác nhau. GV yêu cầu HS tôn trọng quan điểm, ý kiến của người khác trên cơ sở trình bày rõ ràng quan điểm riêng của mình; nhắc nhở HS chú trọng tính thuyết phục của ý kiến cá nhân. 1. Trao đổi - Sau khi những HS được giao nhiệm vụ hoàn thành phần trình bày, GV tổ chức cho cả lớp trao đổi. Nội dung trao đổi tập trung vào một số khía cạnh: + Vấn đề xã hội được người nói lựa chọn để đánh giá, bình luận. + Chất lượng của bài nói (quan điểm của người nói về vấn đề; các ý kiến bình luận, đánh giá; khả năng sử dụng lí lẽ và bằng chứng để lập luận; mức độ thuyết phục của các ý kiến,...). + Kỹ năng trình bày bài nói: cách sử dụng ngôn ngữ và yếu tố phi ngôn ngữ, sự tương tác với người nghe; việc giải quyết những thắc mắc của người nghe;... + Mức độ chú ý và khả năng nắm bắt nội dung của người nghe; việc phân tích đánh giá quan điểm, ý kiến mà người nói trình bày,... Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm, sắp xếp, kiểm tra lại phần thuyết trình và phương tiện sử dụng của nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm thuyết trình về vấn đề xã hội. - Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn. - Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, - Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội để HS rút kinh nghiệm - GV phát phiếu và yêu cầu HS điền thông tin vào phiếu, thu lại để theo dõi hoạt động nói và nghe của lớp, từ đó, có thêm cơ sở đánh giá năng lực của từng HS (Phụ lục 1 bên dưới). - Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới).	- Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ. + Mở đầu: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,... + Triển khai: Cần triển khai các ý: ++ Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận và nêu quan điểm của người nói (lí lẽ và bằng chứng). ++ Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề nói (lí lẽ và bằng chứng). ++ Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (lí lẽ và bằng chứng). ++ Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng (lí lẽ và bằng chứng). + Kết luận: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,...) 2. Trao đổi <table border="1" data-bbox="986 1368 1460 2085"> <thead> <tr> <th data-bbox="986 1368 1281 1469">Người nói</th><th data-bbox="1281 1368 1460 1469">Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="986 1469 1281 2085"> - Nắm được những thắc mắc của người nghe để trả lời thỏa đáng, tiếp thu ý kiến của người nghe để điều chỉnh cần thiết - Khẳng định lại những ý kiến, quan điểm mà mình cho rằng có cơ sở. </td><td data-bbox="1281 1469 1460 2085"> - Chủ động nêu ý kiến cần thảo luận. - Cần hướng vào cả 2 khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày. </td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	- Nắm được những thắc mắc của người nghe để trả lời thỏa đáng, tiếp thu ý kiến của người nghe để điều chỉnh cần thiết - Khẳng định lại những ý kiến, quan điểm mà mình cho rằng có cơ sở.	- Chủ động nêu ý kiến cần thảo luận. - Cần hướng vào cả 2 khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày.
Người nói	Người nghe				
- Nắm được những thắc mắc của người nghe để trả lời thỏa đáng, tiếp thu ý kiến của người nghe để điều chỉnh cần thiết - Khẳng định lại những ý kiến, quan điểm mà mình cho rằng có cơ sở.	- Chủ động nêu ý kiến cần thảo luận. - Cần hướng vào cả 2 khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày.				

PHỤ LỤC 1

Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội để nêu ý kiến.		
2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.		
3	Trình bày đúng bản chất vấn đề.		
4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		

PHỤ LỤC 2

Dàn ý tham khảo cho bài nói: *Biết lắng nghe – điều kì diệu của cuộc sống.*

1. Mở đầu: Giới thiệu vấn đề: *Biết lắng nghe – điều kì diệu của cuộc sống.*

2. Triển khai: Cần trình bày các ý:

- **Bản chất của vấn đề và quan điểm của người nói:**

+ **Bản chất của vấn đề:**

++ “*Nghe*” là sự tiếp nhận âm thanh, bằng tai (thính giác).

++ “*Biết lắng nghe – điều kì diệu của cuộc sống*” là một trong những cách tiếp nhận, học hỏi của con người nhằm làm cho bản thân ngày càng hoàn thiện.

+ **Quan điểm của người nói:**

++ “*Biết lắng nghe*” tùy thuộc vào ý thức chủ quan của mỗi người. Đó là đức tính, là năng lực cần phải học hỏi, là yếu tố thúc đẩy để con người tự hoàn thiện nhân cách và trưởng thành hơn ...do đó, “*Biết lắng nghe*” là điều kì diệu của cuộc sống.

- **Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề nói:** + “*Biết lắng nghe*” phụ thuộc vào nhiều yếu tố như kinh nghiệm sống, vốn văn hóa, tầm nhìn, sự nhạy cảm, độ tinh tường, tinh thần cầu thị, quan niệm sống của con người,...

+ “*Biết lắng nghe*” là điều kì diệu của cuộc sống: nghe để hiểu, để hành động, để hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ. Chẳng hạn, biết nghe tiếng vọng về từ quá khứ, nghe những gì đang diễn ra ở hiện tại, nghe được cả tương lai; nghe được lời của thiên nhiên, đất trời, lời của cây cối, chim muông; nghe để phân biệt phải trái, hay dở, tốt xấu, nghe được cả tiếng trái tim mình...

- **Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:**

+ Không biết lắng nghe thì cuộc sống thật vô nghĩa, tẻ nhạt, ...

+ Chống tư tưởng chủ quan, bảo thủ và phê phán lối sống ích kỉ, “*biết nghe mà vẫn giả điếc*”,...

- **Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng:**

- + “*Biết lắng nghe*” có vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người, vì vậy, mỗi người cần phải có ý thức rèn luyện năng lực “*lắng nghe*”.
- + Biết lắng nghe một cách chân thành, cầu thị để có thể chia sẻ, đồng cảm với người khác và làm cho cuộc sống của mình ngày càng có ý nghĩa,...
- **Kết luận:** Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động).

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân.
- b. Nội dung:** Thành lập các nhóm tìm hiểu các vấn đề xã hội.
- c. Sản phẩm:** Các bài Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu các vấn đề xã hội.
- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS tìm hiểu, thu thập thông tin và chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề, chẳng hạn như:
 1. Những vấn đề giới trẻ quan tâm.
 2. Vấn đề nghề nghiệp trong tương lai.
 3. Đối mặt với những vấn nạn xã hội,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức buổi trao đổi trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.
- HS chuyển tài liệu lên trang: <https://drive.google.com/drive>.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kỹ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (CẢ BÀI 3)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.
- b. Nội dung:**
 - GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
 - HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Hãy so sánh luận đề, luận điểm, các yếu tố hỗ trợ của ba văn bản: *Câu hiền chiếu*, *Tôi có một ước mơ*, *Một thời đại trong thi ca*.

Câu 2. Qua việc đọc ba văn bản trong bài đọc, theo bạn, sự chặt chẽ trong cấu trúc của văn bản nghị luận phụ thuộc vào những điều gì?

Câu 3. Yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm được sử dụng trong văn bản nghị luận có tác dụng gì?

Câu 4. Bạn hãy chọn một đề tài trong mục *Chuẩn bị viết* của phần *Viết* và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết về đề tài đã chọn. Viết hai đoạn triển khai hai ý kề nhau.
- Chuyển từ dàn ý bài viết sang dàn ý bài nói, dựa vào đó để tập luyện cách trình bày bài nói.

Câu 5. Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận và ghi chép các thông tin cơ bản sau:

- Vấn đề được bàn luận, ý nghĩa của vấn đề;
- Quan điểm của người viết;
- Đối tượng tác động;
- Nghệ thuật lập luận;
- Mức độ thuyết phục;

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, tự chọn cách thức trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi theo cách HS lựa chọn.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI:

Câu 1. So sánh luận đề, luận điểm, các yếu tố hỗ trợ của ba văn bản: *Cầu hiền chiếu*, *Tôi có một ước mơ*, *Một thời đại trong thi ca*.

	Cầu hiền chiếu	Tôi có một ước mơ	Một thời đại trong thi ca
Luận đề	Bài viết hướng tới các sĩ phu Bắc Hà, nhằm kêu gọi nhân tài giúp nước.	Giấc mơ bình đẳng, tự do của người da đen ở nước Mỹ.	Tinh thần của Thơ mới.
Luận điểm	- Nêu sứ mệnh của kẻ hiền tài. - Lời kêu gọi người hiền và những hứa hẹn về chính sách trọng dụng người hiền của nhà nước. - Lời báo cáo.	- Thực trạng cuộc sống người da đen. - Cuộc đấu tranh của những người da đen. - Giấc mơ của người da đen ở nước Mỹ.	- Nguyên tắc chung của việc đánh giá Thơ mới. - Đối sánh, tìm ra đặc trưng giữa thơ cũ và Thơ mới. - Luận giải về nội dung, biểu hiện của chữ ta và chữ tôi trong thơ ca.
Các yếu tố hỗ trợ	- Kết hợp các yếu tố biểu cảm, tự sự,... - Sử dụng điển cố, hình ảnh ẩn dụ. - Từ ngữ giàu sức gợi.	- Kết hợp các yếu tố biểu cảm, tự sự,... - Sử dụng những hình ảnh, câu văn có sức truyền cảm.	- Cách viết linh hoạt, uyển chuyển, giàu hình ảnh, so sánh gợi nhiều liên tưởng, có sức hấp dẫn mạnh mẽ. - Dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc, phân tích tinh tế.

Câu 2. Yếu tố tạo nên sự chặt chẽ trong cấu trúc của văn bản nghị luận:

- Văn nghị luận đòi hỏi sự chặt chẽ của lập luận, sự xác đáng của luận cứ, sự chính xác, tinh tế của lời văn; đạt tới yêu cầu thấu lí đạt tình, không chỉ thuyết phục người ta bằng cách nêu

vấn đề, cách luận giải sắc sảo, chặt chẽ mà còn tác động cả tới tình cảm của người đọc (người nghe).

- Kỹ năng lựa chọn và sử dụng dẫn chứng: là việc huy động dẫn chứng, chọn dẫn chứng cho phong phú, đa dạng và sử dụng hiệu quả. Kỹ năng trích dẫn dẫn chứng: yêu cầu dẫn chứng phải chính xác; dẫn chứng phải đủ trong phạm vi yêu cầu của đề về tư liệu; dẫn chứng phải tiêu biểu, xác đáng, có tính mới. Khi lấy dẫn chứng cần chú ý đến tính hệ thống, sắp xếp theo trục thời gian tuyến tính, không gian từ xa đến gần.

Câu 3. Tác dụng của yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận:

- Thuyết minh trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực.

- Miêu tả được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan.

- Tự sự đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên.

- Biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

Câu 4. Đề tài lựa chọn: Vai trò của yếu tố giao tiếp đối với sự hình thành, phát triển nhân cách.

a. Tìm ý và lập dàn ý bài viết

* **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.

* **Thân bài:** Cần triển khai các ý:

- **Bản chất vấn đề:**

+ Giao tiếp là hình thức đặc trưng của mối quan hệ giữa con người với con người, qua đó nảy sinh sự tiếp xúc tâm lý và được biểu hiện ở các quá trình thông tin, hiểu biết, rung cảm, ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau.

+ Từ trong giao tiếp, sự tiếp xúc tâm lý sẽ cụ thể hóa các quan hệ xã hội, nghĩa là chuyển các quan hệ gián tiếp xã hội (thể chế, pháp luật...) thành các quan hệ trực tiếp (giao tiếp).

- **Các khía cạnh của vấn đề:**

+ Giao tiếp là điều kiện tồn tại của cá nhân và xã hội loài người.

+ Nhờ giao tiếp mỗi người nhận ra và xác định được tư tưởng, tình cảm, nhu cầu, vốn sống, kinh nghiệm, hiểu biết, quan điểm,... của đối tượng mà mình giao tiếp.

+ Giao tiếp là điều kiện để tâm lý, nhân cách phát triển bình thường.

+ Nhờ có giao tiếp, con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội, lĩnh vực văn hóa xã hội, chuẩn mực xã hội đồng thời thông qua giao tiếp, con người đóng góp năng lực của mình vào kho tàng chung của nhân loại

+ Từ quá trình giao tiếp, con người sẽ có cách nhìn nhận về nhau, hiểu ý nhau nên từ đó mỗi người sẽ tự điều chỉnh, điều khiển nhận thức, hành vi của mình để phù hợp với những quy phạm đạo đức, chuẩn mực xã hội, các quan hệ xã hội.

+ Qua giao tiếp con người hình thành năng lực tự ý thức trong giao tiếp con người không chỉ nhận thức người khác, nhận thức các quan hệ xã hội mà còn nhận thức, đánh giá bản thân mình.

- **Ý kiến trái chiều:** Nếu không giao tiếp với mọi người xung quanh liệu chẳng phải cá nhân đó hoặc luôn xem mình là nhất hoặc lúc nào cũng mặc cảm tự ti cho rằng mình yếu kém,...

- Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng:

- + Cần nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của giao tiếp trong xã hội đối với việc hoàn thiện nhân cách của bản thân.
- + Thường xuyên rèn luyện kỹ năng giao tiếp là điều kiện thiết yếu để nâng cao nhân cách bản thân.
- + Không ngừng học hỏi các kỹ năng cũng như chú trọng đến nội dung khi giao tiếp.
- + Trong công việc, lao động cũng như trong đời sống hằng ngày, giao tiếp là sợi dây liên kết giữa người với người. Giao tiếp cùng các yếu tố khác tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ, móc nối nhau giúp con người hình thành và phát triển nhân cách.

*** Kết bài:** Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động)

Viết hai đoạn triển khai hai ý kề nhau (tham khảo):

Qua giao tiếp, con người hình thành năng lực tự ý thức, con người không chỉ nhận thức người khác, nhận thức các quan hệ xã hội mà còn nhận thức, đánh giá bản thân mình. Bằng cách này mỗi người sẽ thông qua người khác xem những người xung quanh mình nghĩ thế nào về bản thân họ, nói cách khác là họ đánh giá bản thân thông qua những người họ giao tiếp, xem ý kiến của mình có đúng đắn không, có được người khác thừa nhận không. Trên cơ sở đó, mỗi người sẽ tự nhận thức được và tự điều chỉnh, điều khiển hành vi của bản thân theo hướng tăng hoặc giảm sự thích ứng với mọi người xung quanh.

Ta thử đặt những câu hỏi ngược lại, nếu không giao tiếp liệu cá nhân đó có biết được xã hội chấp nhận hay không chấp nhận họ? Nếu không giao tiếp với mọi người xung quanh liệu chẳng phải cá nhân đó hoặc luôn xem mình là nhất hoặc lúc nào cũng mặc cảm tự ti cho rằng mình yếu kém. Một người chỉ khi tham gia các hoạt động xã hội, tiếp xúc, giao tiếp với tập thể, cộng đồng thì mới tự nhận thức được mình nên làm gì là tốt nhất, trong hoàn cảnh nào thì không nên làm gì.

b. Lập dàn ý bài nói:

*** Mở đầu:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.

*** Triển khai các ý:**

(1) Ta cần hiểu vấn đề trên như thế nào?

- Giao tiếp là hình thức đặc trưng của mối quan hệ giữa con người với con người, qua đó nảy sinh sự tiếp xúc tâm lý và được biểu hiện ở các quá trình thông tin, hiểu biết, rung cảm, ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau.
- Từ trong giao tiếp, sự tiếp xúc tâm lý sẽ cụ thể hóa các quan hệ xã hội, nghĩa là chuyển các quan hệ gián tiếp xã hội (thể chế, pháp luật...) thành các quan hệ trực tiếp (giao tiếp).

(2) Vậy giao tiếp ảnh hưởng tới việc hình thành nhân cách ra sao?

- Giao tiếp là điều kiện tồn tại của cá nhân và xã hội loài người.
- Nhờ giao tiếp mỗi người nhận ra và xác định được tư tưởng, tình cảm, nhu cầu, vốn sống, kinh nghiệm, hiểu biết, quan điểm,... của đối tượng mà mình giao tiếp.
- Giao tiếp là điều kiện để tâm lý, nhân cách phát triển bình thường.
- Nhờ có giao tiếp, con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội, lĩnh vực văn hóa xã hội, chuẩn mực xã hội đồng thời thông qua giao tiếp, con người đóng góp năng lực của mình vào kho tàng chung của nhân loại.

- Từ quá trình giao tiếp, con người sẽ có cách nhìn nhận về nhau, hiểu ý nhau nên từ đó mỗi người sẽ tự điều chỉnh, điều khiển nhận thức, hành vi của mình để phù hợp với những quy phạm đạo đức, chuẩn mực xã hội, các quan hệ xã hội.

- Qua giao tiếp, con người hình thành năng lực tự ý thức trong giao tiếp. con người không chỉ nhận thức người khác, nhận thức các quan hệ xã hội mà còn nhận thức, đánh giá chính bản thân mình.

(3) Có những người có ý kiến trái chiều

- Một số người cho rằng nhân cách vốn tồn tại sẵn có trong mỗi người không cần đến giao tiếp

- Nếu không giao tiếp với mọi người xung quanh liệu chẳng phải cá nhân đó hoặc luôn xem mình là nhất hoặc lúc nào cũng mặc cảm tự ti cho rằng mình yếu kém chẳng?

(4) Chúng ta cần nhận thức như thế nào về vấn đề trên?

- Bản thân cần nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của giao tiếp trong xã hội đối với việc hoàn thiện nhân cách của bản thân.

- Thường xuyên rèn luyện kỹ năng giao tiếp là điều kiện thiết yếu để nâng cao nhân cách bản thân.

- Không ngừng học hỏi các kỹ năng cũng như chú trọng đến nội dung khi giao tiếp.

- Trong công việc, lao động cũng như trong đời sống hằng ngày, giao tiếp là sợi dây liên kết giữa người với người. Giao tiếp cũng tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ, móc nối nhau giúp con người hình thành và phát triển nhân cách.

* **Kết luận:** Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động).

Câu 5.

Một số văn bản nghị luận khác: *Đừng gây tổn thương* (Karen Casey), *Bản sắc là hành trang* (Tham khảo Ngữ văn 10 tập hai, Cánh Diều),...

Một số thông tin cơ bản của văn bản: *Đừng gây tổn thương*.

- Vấn đề bàn luận: đừng gây tổn thương cho người khác dưới bất cứ hình thức nào; ý nghĩa: Đừng bao giờ gây tổn thương tới người khác dưới bất kỳ hình thức nào. Chúng ta hãy sống yêu thương lẫn nhau vì con người đã quá mệt mỏi trong guồng quay công việc bộn bề của xã hội hiện đại rồi. Nếu chúng ta sống không gây tổn thương tới người khác thì không chỉ họ mà cả tâm hồn và thể chất chúng ta cũng được nhẹ nhõm, thanh thản.

- Quan điểm của người viết: lời khuyên cho mọi người trước vấn đề đừng gây tổn thương cho người khác dưới bất cứ hình thức nào.

- Đối tượng tác động: mọi người.

- Nghệ thuật lập luận:

+ Dùng lí lẽ, ngôn từ sắc bén, thuyết phục.

+ Lập luận chặt chẽ.

+ Luận điểm rất rõ ràng.

- Mức độ thuyết phục: Bài học ý nghĩa về cách cư xử, đối nhân xử thế giữa con người với con người trong xã hội.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- **Chuẩn bị bài 4:** Tự sự trong truyện thơ dân gian và trong thơ trữ tình (Đọc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Lời tiễn dặn*)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.